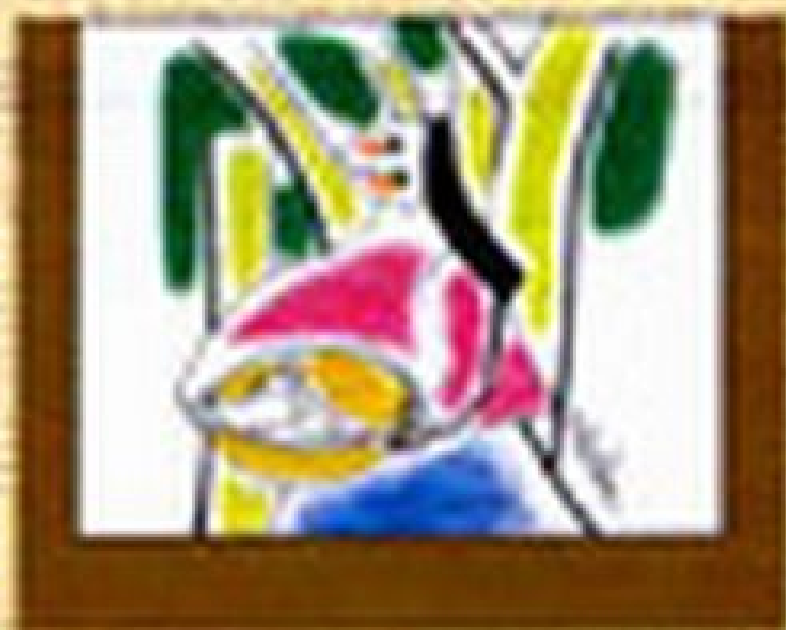


Miệt vườn xa lắm

DA NGĂN



SÁCH ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG



Miệt Vườn Xa Lắm

Dạ Ngân

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Bốn giờ khuya](#)

[Mờ sáng](#)

[Sáu giờ rưỡi](#)

[Buổi trưa](#)

[Sau đó](#)

[Trời xế](#)

[Thư giãn](#)

[Một việc gì đó](#)

[Nửa đêm](#)

[Lại ánh đuốc khuya](#)

Bức tranh lịch sử của người mở cõi phương Nam

Tô Hoài



(Nhà văn Tô Hoài, 2005 - Ảnh tư liệu)

Đọc *Miệt vườn xa lắm* mỗi đoạn, mỗi chữ dường như tôi lẫn lộn những làng mạc và vườn tược ven sông trong trang sách và trong kỷ niệm của tôi, những câu hò không phân biệt được xưa kia hay chỉ mới đây.

Nhớ khi còn niên thiếu, ở quê, trong những cuộc họp bạn hội truyền bá quốc ngữ - đáng lẽ tên là hội chống nạn mù chữ nhưng bấy giờ Tây không cho có tên là hội chống hay hội nạn mà phải đổi tên hiền lành là hội truyền bá quốc ngữ - những cuộc họp bạn và cắm trại thường gặp một người đứng tuổi trong nhóm tên là Trương Đình Tri. Bao giờ ông Tri cũng được anh em lôi kéo mời lên hát bài *Hò Phú Ơn*, tôi nhớ mãi hình bóng câu hò như có tiếng gập ghềnh của đoàn người đi về phương Nam tìm đất sống, họ lang thang trên sông nước, mắt đắm đắm nhìn xa, cứ đi không biết đến bao giờ.

Khi kháng chiến, tôi ở rừng Việt Bắc. Mùa đông tới, đốt lửa sưởi trong cơ quan Hội văn nghệ giữa rừng, mỗi người góp một trò vui. Ông Hiếu ở văn phòng rún rẩy một mình một điệu nhảy mà ông nói ông đương nhớ cái năm ông ở Paris, bỗng nhiên tổng thư ký Nguyễn Tuân chống gậy song bước ra giọng Phú Yên cất lên câu hò Phú Ơn tha thiết gập ghềnh. Nhà văn mặc bộ quần áo bà ba đen ngoài khoác tấm áo trấn thủ, khắc khổ như một lão nông, như một nhà chài đương cùng đoàn người đi về phương Nam. Ô hay, một hình ảnh câu hò, ngẫu nhiên cứ trở nên một đề tài ám ảnh không cố ý mà cũng không bình thường của nhà văn cứ hay vịn vào mình. Cũng như tôi, khi đọc “cây truyện ngắn” Nguyễn Thành Long, những đoạn anh viết có hơi hướng quê hương ở chỗ nào cũng như thấy được những con người cả đời vai mang vác ra đi như câu hò Phú Ơn. Tôi nghe nói lại, mấy hôm trước khi mất, ông Nguyễn đến chơi với mấy bạn Huế, đêm ấy ông đã cao hứng cất lên vài câu hò Phú Ơn - có phải câu hát cuối cùng vẫn ập ủ trong đề tài một cái ký, cái truyện ngắn của ông, sự sáng tạo hò như bao giờ cũng quanh co và ngẩn ngơ không ai cắt nghĩa được.

Cũng như mỗi khi nghe bài *Lý Ngựa ô*, tôi thật chối tai bởi tiếng nhạc ngựa xúng xoảng, tung bùng “đưa nàng về dinh”. Không phải thế. Đây là tiếng gian truân của con người tơ vương và mong ước, tiếng ngựa và chiếc kiệu vàng trong tưởng tượng mệnh mông của người tìm quê, không phải tiếng vui mà là tiếng buồn hững hờ xa, rất xa.

Cũng như khi đọc truyện ngắn *Rừng mammals* của Bình Nguyên Lộc và *Những người đi tìm đất*

của Sơn Nam, của Đoàn Giỏi, thấp thoáng mà ám ảnh không dứt những hình thù sông nước và tiếng rừng của người ra đi, đi mãi.

Miệt vườn xa lắm của Dạ Ngân đến với tôi cùng một lúc với ý nghĩa và hình ảnh bức tranh lịch sử hàng trăm năm qua và cả bây giờ, người ta đi về phương Nam đất nước, tới vùng rừng ruộng mênh mông và ra tới biển Đông. Sự tích đi về phương Nam, từ bấy tới đây rải rác và liên hồi, sinh sôi thành những xóm ấp cơ ngơi mới. Rồi ông nội cắm cái ghe, đưa cả nhà vào xóm Vĩnh, quyết ở lại đây lập nên vườn.

Đầu tiên ông trồng cây sao, trồng một hàng rào bờ bao bằng cây sao để nhớ lại Cao Lãnh, xứ lứt lụi, ông phải “gan trời mới kéo cả vợ con và bầy em trai vượt qua sông Tiền, vượt qua cả sông Hậu rồi đi hết kênh xáng Xà No để cắm vườn vào một nơi chưa biết nghề vườn là gì...”

Câu chuyện gian nan của một nhà đi tìm đất được một cô bé tuổi mười hai hồn nhiên kể lại. Một nhà hàng ngày thường thấy ở miệt vườn ven sông giữa những biển cổ thời cuộc từ thời Pháp đô hộ đến khi đánh Pháp, đến khi quân Mỹ tràn đến, bao nhiêu làng xóm bình yên bị giặc tập trung, chỉ khu quân sự Vị Thanh bên kia sông có pháo 105 bắn sang, có máy bay “đầm già” quấy đảo suốt đêm ngày.

Cho đến khi đồng khởi 1960, làng làng trở thành làng kháng chiến. Cô bé nhớ lại.

Bấy giờ ông bà nội đã già quá. Ông vẫn là linh hồn của gia đình, từ khi ở Cao Lãnh xuống đây trồng cây sao đắp đất nên vườn thành cơ ngơi cũng một tay ông và con cháu. Ông đã yếu, nhưng tiếng ho của ông trong đêm khuya vẫn như tiếng ông nhắc nhở mọi người. Cô Tư tuổi đã xế phải gánh vác mọi việc trong nhà có hơn chục người toàn đàn bà con gái. Cô Tư cùng cô bé ra thành phố đem của vườn lên bán, nào cau buồng, vú sữa, xapôchia, cam quýt... Cô bé đây là con ông anh một, người tù chính trị mà dù ở Phú Lợi hay Chí Hoà cô cũng chạy vạy để có tiền đi thăm nuôi anh trong khi chị dâu thì ở nhà vùi đầu vào việc vườn. Cô bé lớn lên cái gì cũng biết, cũng làm được với má, với cô Tư - cô Ràng.

Có một thầy giáo ở ngoài Cần Thơ được Ban giáo dục tỉnh đưa về dạy lớp ba - thầy giáo Tiền thật bắt mắt các cô gái trong xóm ấp và cả nhà, cả em bé cũng mến yêu thầy, cô luôn muốn thầy được người làm người đàn ông của nhà mình. Nhưng mà thầy lại muốn đi bộ đội. Trong nhà có người đi Cú, đi tập kết, chị Niệm ở trên Khu, anh Trường đương học ngoài chợ mà ông nội gọi về cho vô công tác trong Khu. Nhà vẫn nhiều người nhưng toàn đàn bà con gái, lúc nào cũng có người đi kháng chiến, ăn làm xen kẽ trong không khí địch ta bốn phía. Thợ treo hái cau, tiếng dừa rơi từ trên ngọn xuống trong ngày thu hoạch, tiếng cả nhà léo nhéo đi cắt kiến vàng về nuôi... Bức tranh miệt vườn và những con người vất vả đã được cô bé thơ ngây kể lại một cách cảm động. Bao nhiêu là khó khăn, dằn vặt, bần khổ nhưng vẫn đượm một tiếng cười hồn nhiên, tinh quái.

Đêm đêm, tiếng ô buy, tiếng đại bác bắn sang bên này sông cho đến tảng sáng, cũng là lúc trong nhà bắt đầu một ngày. Trong nhà một mình cô bé được ngủ với cô Ràng, khi mọi người lục tục thức thì cô cũng phải dậy đi sang nhà bà Chín mua cá về để làm cơm sớm. Rồi đông nhất là khi cả nhà đi chặt mía kéo mật hay những việc linh tinh khác, suốt đời. Cảnh cô Ràng đánh đuốc đi chơi hàng xóm, cảnh chị Hoài đập máy khâu ban đêm rờ rờ, thầy Tiền, cây hoa tra vàng, cây mù u cây trâm bầu... Ông nội ngồi ở đầu hè, ông nhìn lên cây sao rồi nhìn ra sông chỉ thấy màu nước mịt mù, giặc già chen chúc như mắt lưới, bao giờ con và cháu ông mới trở về?

Miệt vườn xa lắm là bức tranh lịch sử trường kỳ của người đi vào phương Nam mở cõi.

(Báo Tuổi Trẻ)

*Tuổi thơ của mỗi người là một cuốn sách.
Viết nó ra không phải để bán đi mà là để
lưu giữ nó được lâu hơn.*

Bốn giờ khuya

Đầu tiên tôi nghe tiếng cô Tư tôi ngồi dậy. Tôi thường được cô Ràng khen là đứa sẻ thức, sẻ thức là sáng dạ mà sáng dạ thì xứng đáng được cô hy vọng và kèm cặp. Tôi mới bước vào lớp bốn, chưa biết mặt mũi cái cục sáng dạ như thế nào và nó nằm ở đâu trong bụng mình nhưng tôi chắc chắn mình là đứa tỉnh ngủ. Tôi tỉnh ngủ vì phải ngủ với cô Ràng chứ không được ngủ với má, trong ba đứa con gái lít nhít ở tốp cuối trong bầy con của ba tôi, chị Bảy Nghĩa Kiến Đen ngủ với má, con út Kiến Riện thì ngủ với bà nội, còn tôi, Tám Tiệp Kiến Vàng được ngủ với cô là một đặc ân, dĩ nhiên phải nhìn dưới con mắt thủ lĩnh của cô Ràng. Tôi không sẻ thức khi ngủ ngủ với má, nói đúng hơn, tôi không việc gì phải sẻ thức vì ngủ với bà thì tôi được kê một bàn tay dưới lưng bà, thói quen như là mút tay hay nghiêng rặng như những đứa trẻ khác, rồi còn tha hồ quay ngang quay dọc, tha hồ quên chân mùng để có thể lọt xuống đất chơi. Sở dĩ tôi có vẻ tốt nét khi ngủ với cô Tư là do tôi sợ cô, đơn giản như vậy.

Thật ra, nhìn từ ngoại hình, cô Tư tôi đâu có gì đáng sợ, thậm chí cô còn là người đẹp, người đàn bà mà tôi hằng ước nữa mình cũng chỉ đẹp cỡ đó thôi. Để tôi nhớ lại cho kỹ đã vì lúc tôi viết thiên truyện này thì cô tôi đã ngoài tám mươi, đã cắt tóc ngắn như một bà già Tàu, gương mặt chữ điền đã móm trề vì không còn hai hàm răng. Nhưng vào thời điểm mà tôi chọn làm cái mốc cho chuỗi kỷ niệm này thì cô tôi mới khoảng bốn mươi, mái tóc dày mượt sũng dầu dừa bới thành cái búi gọn như một nắm tay trên ót - má tôi hay bới qua loa trên đỉnh đầu, chị Hai tôi thì bới xệ cho búi tóc lăn qua lăn lại làm duyên giữa rãnh vai. Cô Ràng có cái trán cao và sáng một cách ráo rảnh, mũi thẳng nhưng trái mũi hơi to, đôi gò má cao cao uy quyền và đôi môi mỏng sắc sảo, nghiêm nghị. Tất cả những phẩm chất và năng lực đặc biệt của cô hình như là ở đôi mắt, nó linh hoạt và đầy sức mạnh chinh phục, nó dễ dàng để lộ nhiều tròng trắng khi giận dữ và cũng hết sức kín đáo, thâm trầm khi nghĩ ngợi, mơ màng. Cô có nước da miến nắng gió của gái miệt vườn, xương cánh tay nhỏ một cách dẻo dai, chỉ tội cái sa bụng hơi trễ khiến cho đôi gót chân thon vót có vẻ chật vật khi cô chuyển động. Nói chung cô là người con út quyền thế của ông bà nội tôi, là người cha tinh thần của đám chị em chúng tôi và là người em chồng "ghê gớm" dưới con mắt của má tôi. Nhưng không chỉ vì như thế mà tôi sợ, nỗi sợ này do tôi, nỗi sợ định mệnh như con chiên sợ chúa Trời, như binh nhì sợ đại tướng, như một đứa trẻ sợ đại dương.

Cô tôi thường ngồi dậy rất gọn vào lúc hơi sương đầm đẫm ngoài cửa sổ mang mùi cao khiết của cây lá ngoài vườn vào nhà. Tôi biết cử động tiếp theo của cô là gì, là lật ngửa con bé còi cọc ra để vằn lấy cái mặt tôi mà hôn lấy hôn để, rồi vuốt hai vạt áo che bụng cho tôi, rồi gộp hai đầu gối tôi thẳng ra và ấn ấn như để nó dài thêm, sưng thêm. Cô mà đã hôn thì vồn vập và kéo dài, hôn bù hôn đắp, hôn cho trái mũi cô nở phình hơn nữa, hôn để thay thế một cái gì thiếu vắng kinh khủng lắm.

- Hồi hôm tắm quên gội đầu sao mà khét nắng qua vậy Kiến vàng? Cha nó! Con cái ai mà dè dặt như con chàng hiu vầy không biết! - Tôi nằm ngay đơ, tôi sợ cô đến mức nhịn cả thở.

Có tiếng guốc lúp cụp từ buồng bên đi sang, đó là tiếng động theo trình tự quen thuộc của nhà tôi sau khi cô Tư thức. Đó là tiếng guốc ý tứ một cách mỹ mãn và thường trực của chị Hai Hoài, rồi chị giở mùng chui tọt vào với bà cô của chúng tôi cùng với cái câu vắn an như thể bắt buộc:

- Đêm nay Tư ngủ được không Tư?

- Cũng tạm tạm, con! - cô Tư trả lời qua quấy, có hôm không cần trả lời dù bà không thể không vui. Vắn an người lớn, người lớn ở đây là ông bà nội và cô Ràng - vắn an là thủ tục mỗi sáng của chúng tôi, nó phải luôn được thực hiện một cách bắt buộc mà vẫn như là tự giác như cái hôn mỗi khi cô tôi đi đâu xa về vậy. Trong xóm Vĩnh, không nhà nào có kiểu hời hợt và hôn hít nhau như gia đình tôi, thói quen khiến má tôi chầy chống tới cùng còn cô tôi thì giải thích đó là văn hoá của gia tộc, là văn hoá miệt vườn mà đất Cao Lãnh là chính gốc, là trung tâm, cái địa danh chúng tôi được nghe nhắc hoài hoài cùng với nước mắt nhưng chị Hai Hoài còn chưa biết nó xa cỡ nào, hướng gì chị Bảy Đen hay tôi hay Út Riện.

Bây giờ, sau khi đã chui tọt vào mùng cô Ràng thì chị Hoài với cô làm thành một đôi vong niên chứ không phải là cô và cháu nữa. Chị Hoài có nước da bánh mật, có gương mặt khác biệt dài dài, có tướng đi chăm chăm chú chú, nói chung chị không giống ba cũng không có nét nào của má, cũng không thể sáng rỡ như cô Tư nhưng chị thuộc về cô hoàn toàn, như con nòng nọc với con ếch vậy. Họ bắt đầu từ chuyện ai đó, rồi chuyện Vĩnh trong Vĩnh ngoài, rồi một vấn đề nào đó, không ngót và không cố định nhưng cực kỳ nhịp nhàng và ăn ý như hai người đang chơi trò tung hứng. Cô Ràng ngồi xếp bằng kiểu đạo sĩ, thỉnh thoảng bẻ ngón chân cho nó kêu răng rắc, một hồi thế nào câu chuyện cũng dừng lại với kỷ niệm về ba tôi, về những lần cô đi thăm nuôi ông, về cái nhà ngục Côn Đảo nơi ông thụ án tù chính trị hai mươi năm khổ sai. Thế rồi bà cô của tôi bắt đầu sụt sịt, rồi khóc tí tát thành tiếng, kiểu khóc hóp hóp không khí như đang bị ai đó bóp cổ. Khi cô chưa khóc thì chị Hoài nghiêng nghiêng lắng nghe, hỏi gọi, để thêm và chia sẻ, nhưng cô đã khóc thì chị cũng cũng tê điếng theo và chỉ còn biết vuốt vuốt lưng cô để xoa dịu, một cử chỉ gánh vác cùng chứ không chỉ là biết điều. Lúc đó tôi mới dám trở mình lăn vào trong mở mắt thao láo vào vách mùng và nghĩ: Cô Tư mình tài thiệt, bao giờ thì mình mới nói năng lưu loát, từng trải như cô? Cô đã tài mà còn phục ba mình sát đất chắc ba mình phải tài lắm, nhưng sao cô lại yêu ba mình đến mức mỗi khi nhắc tới ông thì cô khóc như thể vợ khóc chồng vậy?

Cô tôi không ngồi sóng đôi lâu với chị Hoài, nhất là sau khi đã bệu bạo một hồi về ba tôi. Cô sợ phải đắm mình quá lâu trong tâm trạng đó nên cô khoát mùng chun ra. Chị Hoài cũng ra theo nhưng ngồi lại trên mép giường lần lượt co hai ống quần lên gãi sồn sột - chị mắc bệnh khô da và do làm lụng nhiều mà không có xà bông tắm thường nên hai ống chân chị mốc trắng lên mỗi khi mười ngón tay chị động vào.

Bây giờ bà nội cũng đã thức, bà ngủ với Út Riện trên bộ ván gỗ trắng-xê chứ không ngủ với ông nội ở giường bên và tiếng ngoáy trầu của bà làm cho đêm khuya không còn thanh vắng nữa. Lại những câu vắn an của cô Tư và chị Hoài dành cho bà, lại một đề tài gì đó từ bà, nó thường không lang thang ra ngoài như câu chuyện giữa cô Ràng và chị Hoài, nó chỉ là chuyện má tôi quên dây chạt nôi tẩm heo để cho chó nó lục lọi cộp suốt đêm, chuyện cái ống khói đèn trên bàn thờ đĩa nào chùi không sạch, chuyện chị Bảy Nghĩa Kiến Đen hay làm ăn giục chặc, chuyện quýt rụng đầy vườn mọ cau rụng trắng nương mà không ai chịu lượm chịu kéo, nói chung đó là loại chuyện mà cô tôi hay gặt đi.

- Má ơi, con xin với má hoài, con lo trăm thứ chuyện bà rần, má không quán xuyến được, không ai người ta quán xuyến được thì thôi. Khuya nào má cũng nói có mấy chuyện đó, má có cho con yên để con có sức mà gánh vác nữa hay là không? Bộ má muốn con tức mình mà chết hay sao, má?

Chị em chúng tôi biết, phản ứng của cô Ràng vừa để chống lại cái tính hay ca cẩm của bà nội mà cũng vừa nhắc nhở má tôi cái trách nhiệm làm vợ khi cô đã làm hết sức một người “chồng”. “Không ai người ta quán xuyến”, không ai tức là má tôi mà má tôi thì không bao giờ có tầm mắt quán xuyến, có khi chỉ đơn thuần vì đã có cô tôi.

- Tư muốn đi nhà ai, con đốt đuốc cho Tư đi, nghen? - chị Hoài gạ khéo để cứu cả nhà khỏi một màn cãi nhau trông thấy.

Cô Ràng đằng hắng, kiêu đằng hắng uy quyền và nhiều ẩn ý quen thuộc. Có tiếng má tôi trở dậy ở buồng trong, tiếng chân trần lụi đui của bà như bỏ chạy mà cũng như muốn nhấn mạnh sự có mặt của mình. Rồi một ngọn đèn dầu sáng lên trong bếp, tiếng thanh tre gài cửa sau rơi đánh cộp xuống ngạch cửa, tiếng rút dao, tiếng cây chuối bị quật sấp trong gian chái phía sau và tiếng dao xiết trên đá bùn xoèn xoẹt - má tôi quyết trở dậy, ạch đui, cấp rập lên tiếng bằng việc khởi động một công việc đầu ngày là xắc chuối cây để quết nhuyễn làm rau trộn với cám cho heo.

- Còn khuya lắm mà má! - chị Hoài nói như trách trong lúc bước ra gian chái rút cho cô Tư cây đuốc lá dừa gác trên gác kho.

Tiếng dao của má tôi nặng nề hơn:

- Tụi bây thì lúc nào cũng nội nội, cô cô! Tụi bây từ dưới lỗ nẻ chui lên chớ đâu phải...

Chị Hoài biết nếu chị trả treo tức thì với cái đề tài nhà nội, bà cô và lỗ nẻ, chị sẽ đổ dầu vào tiếng đằng hắng ban nãy của cô Ràng, có nghĩa là sẽ làm bùng lên một trận nước mắt như thể mưa đêm. Chị chỉ cần nhần nho nhỏ lúc hạ ngọn đuốc lá dừa vào ngọn đèn trước mặt má:

- Má thì lúc nào cũng lằm bằm lằm bằm có bấy nhiêu, sao có hoà thuận được?

Cô Ràng nhận cây đuốc từ tay chị Hoài ở hàng hiên, bà không nói là sẽ đi nhà ai, bà có tới năm ba cái địa chỉ bạn bè em cháu hợp ý trong xóm để dựng người ta dậy hầu chuyện với bà. Bà đã mặc thêm chiếc áo lụa tơ tằm màu nước gạo, đã buộc choàng hầu cái khăn rằn sọc trắng tím lam, lúc này tôi mới vui vẻ thò đầu ra khỏi mùng, nhắc nịnh:

- Tư tằm sẵn trâu bỏ theo chưa Tư ơi?

Thật ra tôi mừng vì không còn bà cô chúa tể bên cạnh, như vậy cũng có nghĩa là tôi được ngủ lại hàng tiếng và có thể nướng thêm năm mười phút gì đó nữa. Dù cô Ràng đã mang đủ trâu ăn cho đến sáng - cô có thể nhin ăn chứ không thể nhin trâu - nhưng tôi vẫn cứ làm ra vẻ vì tôi biết lo cho bà miếng trâu là bày tỏ một cách cụ thể lòng biết ơn cái sự ở goá của bà, biết ơn công lao và nền cai trị của bà.

Nhưng chị Hoài đã chui vào thế chỗ cho cô Tư bên cạnh tôi, thế là tôi mất hẳn tự do vì chị là tư lệnh phó trong nhà, là cái đuôi của cô Ràng. Rồi tôi thiếp đi trong tiếng lá khua khẽ khàng trong gió sớm, tiếng dao số phận của má tôi trên cây chuối dài trong gian chái và cả tiếng thở dài của chị Hoài vì không khí giữa những người lớn trong nhà.

Mờ sáng

- Con Tiệp đâu, sáng bát rồi, sao chưa dậy đi mua cá mua tép gì? Dậy, dậy chưa!

Lần này thì đúng là cái giọng của chính má tôi - bà hay cao giọng bắt nạt với con, vì chỉ có với con thì bà mới được quyền lớn tiếng, mà bà cũng thích lớn tiếng thường xuyên như vậy để chứng tỏ mình cũng có chút quyền hành. Bà đang một mình quay cần xay lúa ở chái nhà sau, hai cái thớt cũ mòn nên tiếng cối kêu rờ rờ, rờ rờ nghe hồi hả hể. Như một người lính nghe thấy tiếng kèn dù nó được thổi lên từ một vị chỉ huy lép vế, tôi ngồi bật dậy, vắt mùng, xếp mền, chồng gối, tất cả phải nhanh rậm rập mà vẫn phải đạt tiêu chuẩn ngăn nắp lý tưởng. Bước xuống giường, giờ thì không guốc dép gì nữa và việc thuộc lòng đầu tiên là: “Con gái con lúa, ra khỏi mùng là phải chải đầu trước khi súc miệng, nghe chưa!” Đó là cái câu nghiêm khắc của “quản giáo” Hoài từng dành cho chị Bảy Nghĩa, rồi đến tôi và rồi sẽ đến với Út Riện. Chị Hoài thì thuộc nền giáo dục của cô Ràng, chị Hoài là phát ngôn viên của cô Ràng.

Tôi bước xuống chái bếp để lấy “đồ nghề” gồm một cái rổ bằng tre loại lớn, trên úp một cái rế cũng loại lớn để đi mua cá. Chị Nghĩa Kiến Đen đang ịch nghiêng cái nôi trên chiếc ghế lật nằm để chắt nước cơm, đôi mắt to của chị rần rần vì củi dừa hay khói. Tôi ngó nghiêng, hỏi khẽ:

- Sáng nay không có cơm chiên hủ Bắp? - chả là tôi rất khoái món cơm chiên ăn với nước mắm tỏi, cái thứ mỡ thơm lừng lừng tôi vẫn thường ăn vụng từng muỗng canh như là được ăn mật ong vậy.

Chị Bảy Nghĩa hứ một tiếng dòn dã, dài giọng:

- Tư tằm trâu bỏ theo chưa Tư, mầy giỏi nịnh mầy được ăn cơm chiên, hỏi tao thì chỉ có cơm cháy!

Chị Nghĩa là chị lớn trong ba đứa con gái tốp sau của ba tôi nên chị hay nhận việc tuồng sức và hay đứng bếp với má nên chị nghiêng về phía má trong mọi chuyện. Có lẽ vậy nên cô Ràng hay kêu là chị giống má tôi nhất trong bảy cháu và cô có ý lo cho tương lai của chị Nghĩa. Chị không đen, thậm chí nước da còn mơn hơn tôi nhưng chị hay hục hặc với tôi nên bị cô Tư đặt là Kiến Đen. Trong bất kỳ mảnh vườn nào, kiến đen và kiến vàng cũng gặm ghè nhau, tôi có trách nhiệm chôn đất lỗ kiến vàng trong vườn nên nghiêm nhiên tôi là Tám Kiến Vàng. Mà tôi là kiến vàng thì chị Nghĩa phải là kiến đen, thế thôi.

Thấy còn quá sớm để “nghe nh chiến” với Kiến Đen, tôi cặp rổ và rế đi lên nhà trên để gặp bà nội nhận tiền. Bà nội mà phát tiền thì chỉ có nước đứng chờ mỗi chân. Ban đầu là một chiếc kim băng gài qua miệng túi áo, rồi một lượt kim băng nữa cho cái gói khăn vải điều, một lớp khăn nữa cho tiền lẻ, dù là tiền một đồng hay tiền chục thì cũng phải đưa lên coi kỹ rồi mới đưa cho tôi. Ngày nào cũng chừng ấy cho cá hay tôm, hay tép hàng đấy, nếu mua tôm càng thì thức ăn sẽ ít đi và chỉ có mỗi cách là nướng chúng lên, lột vỏ, dầm trong một tô nước mắm như canh ăn kèm với rau sống hái ngoài vườn mới đủ cho cả nhà.

- Khéo kéo mất tiền, cô Tư mầy cạo đầu khô, nghe không?

Lần nào bà nội cũng dặn với theo bằng cách lấy cái uy cô Ràng để bắt tôi phải ghi nhớ. Bà nổi tiếng cẩn thận nhưng bà nhả hóp rồi, con cháu hay lấy bà ra làm để chọc ghẹo rồi, vì vậy mà bà phải núp sau cái bình phong là cô Ràng. Đi trờ ra góc hiên, tôi thấy cô em Út Riện của tôi đang ngồi xồm tè bên lu nước, chỗ mà tôi có sợ ma mấy cũng không dám tấp vô đó lần nào. Nó là út cưng út để của bà nội, nó vừa được ăn công khai trong mâm của nội vừa được ăn đút ăn nhét thêm những thứ đặc biệt dành cho ông bà như cá hấp, Lạp xưởng, bánh ngọt... Đáng lẽ nó phải bị cô Tư nọc ra đánh đòn vì cái tội dám ăn chèn với nội nhưng nó thoát hết, nhờ bà nội. Nó bị gọi là Kiến Riện vì thứ kiến ấy nhỏ nhít nhất và vô tích sự nhất. Nhân dịp bắt gặp nó đái

bây, tôi liền cộp vành rổ lên đầu nó để trả cái ức bấy nay. Út Riện biết lỗi, vừa lê guốc lóc cóc vừa kéo quần chạy vô, lại rút lên ván gỗ với bà nội. Phải nói rằng nó là đứa em dễ chịu, nó không bài hầy như tôi với chị Bảy nên tôi cũng ít có dịp hành lại nó.

Đôi chân đưa tôi rẽ trái trước. Từ hồi thuộc mặt đồng tiền tới giờ, đi mua cá là công việc nghĩa vụ đầu ngày của tôi với cái gia đình “già trẻ bé lớn gì cũng phải có việc hết” (nhưng Út Riện thì không phải làm gì, cầm cái giẻ lau bàn cũng không, cô Tư bảo đừng có chấp nó, kệ cho nội bao che, chừng nội lên trời rồi thì nó biết thân!) Nhà bà Chín cách nhà tôi một đôi, tới chút nữa là nhà bà Chắt, hai nếp nhà nhỏ xíu, te tua và lúc nào cũng có cứt heo ngoài đường. Nhà tôi cũng lợp bằng lá dừa nước xé tàu, cũng có một đám heo nhưng cô Tư tôi kỵ nhất chuyện để cho heo ỉa lan và để nó cắn nát chân vách. Bà quì nó vào phạm trù nếp sống, văn hoá và bà không khi nào đánh bạn với những gia đình loại đó. Nhưng chúng tôi không có đàn ông - ông nội từ khi lên lão đã thành bệnh nhân rề rề - chúng tôi cần những con cá con tôm của nhà khác và tôi luôn lấy làm lạ sao họ lại có cá và có cứt heo một cách dễ dàng, dường như hai thứ đó có liên quan với nhau vậy.

Nhà bà Chín ai cũng có máu đi câu. Ông chồng câu rê, chiếc cần dài bằng cả một cây tre, loại câu này phải tìm đến bung trấp mà thi thử mới được. Có hôm ông tự xách đến nhà tôi những con cá lóc “biết nói” vì ông biết, khi cần, cô Tư Ràng sẵn sàng cho cả nhà ăn sang. Thợ rèn không có dao ăn trâu, ông không thiết đến vườn, mảnh vườn của ông là thành lũy của ma xó và kiến đen, vì vậy mà ông không dám ăn những con cá lớn, cũng chính vì vậy mà da dẻ ông lúc nào cũng xanh xạm. Bà Chín vợ ông thì có chiếc cần câu bằng trúc để câu cá rô, những buổi chiều, nhìn dáng bà cong cong nhẵn nạy ở mép đồng, tôi thấy bà giống một con cò bị xam bị trời đầy.

Sớm nay nhà bà Chín không có cá.

- Độ rày mưa nắng thất thường, nước xì phèn, cá chưa lên - bà còn nghiêng cái thạp nhỏ bên góc sân để tôi thấy đúng là trong đó không có cá.

Tôi sang nhà bà Chắt. Bà không còn chồng để có thể có cá to, nhưng hai người con trai nhỏ của bà chuyên cầm câu bắt cá trê và đặt trúm lươn. Mỗi khi giận dữ ai trong nhà, cô tôi thường nói lấy: “Tao cũng muốn sướng như bà Chắt đây!”, như bà Chắt nghĩa là ngồi không rồi suốt ngày ăn trâu phệt bã lung tung, con cái thì không cho đi học để ở nhà cầm câu giăng lưới đem cá về bán lấy tiền bỏ nặng túi chơi. Mỗi khi sang nhà bà Chắt tôi phải chuẩn bị xắn quần lên cao, nhón chân và dán mắt xuống đường để lách đi giữa những đồng cứt heo rải đều trên đất. Biết tôi sang mua cá, bà Chắt bước ra, phệt một bãi trâu xuống trước mặt, nói luôn:

- Nhà hết mắ rồi sao? Mùa này mà không khai mắ còn đợi lúc nào!

Cô tôi là tay làm mắ có tiếng của xóm, ai được bà cho mắ là một vinh hạnh nhưng khi nước sông chưa ngả màu mắ mè (nghĩa là chưa trợn phèn) thì lu mắ nhà tôi còn trét kín. Cô Ràng là người phòng xa một cách chắc dạ.

- Bữa nay cô Tư ở nhà hay đi đâu vắng, nhỏ?

- Dạ, cô con ở nhà. Có chuyện chi không thiếu?

- Thì hỏi vậy thôi! - bà Chắt đáp lấp lửng.

Trong xóm Vịnh, nhà tôi là gia đình được tò mò một cách đáng vì nề, đứng đầu cái gia đình dám chết sống với nghề vườn ầy là cô tôi, cô Tư Ràng, nổi bản khoán mà cũng là niềm thương cảm của những người như bà Chắt. Bà bảo tôi đứng chờ ngoài sân và đi vào trong vọt ra mấy con cá trê tong teo vì thời tiết giao mùa.

- Thiêm gọi cho nội với cô Tư mấy con ăn đỡ! Tội, nhà hồng có đàn ông mà cũng hồng có ruộng!

Tôi và bà đẩy qua đẩy lại lợn tiền, cuối cùng tôi đành bụng mớ cá được cho chạy bay về. Được cho cá thì cũng thích, nhưng tôi không thích cái cách bà ta cấm cảnh gia đình tôi, ông tôi, cô tôi mà bị thương hại hủ, còn lâu nhá! Thật ra quyết tâm không làm ruộng để con cháu khỏi sắp mặt ngoài đồng là của ông tôi mang theo từ hồi rời vườn gốc Cao Lãnh. Đến thời cô tôi thì hai héc-ta vườn đã là quá sức với đám đàn bà con gái rồi, vả lại, má tôi vừa không biết quán xuyến lại vừa sợ đĩa nên có ruộng thì bỏ cho cò ỉa à, ấy là nói theo cách nói của cô tôi. Tôi không can dự vào những chủ trương và mâu thuẫn giữa những người lớn nhưng tôi thấy yên ả dưới cây và lá vườn, trừ những lúc cánh đàn bà hành nhau vì cô đơn và cực nhọc quá sức.

Tôi đụng phải cô tôi đi nói chuyện gẫu hồi khuya về, bà nhìn mấy con cá đầu ngạnh chờ dờ, lắc đầu:

- Tư thấy hàng đáy đương giặt lưới, chạy riết may ra còn kịp, con!

Đi hàng đáy là phải vượt qua bầy ngỗng của bà Bảy Sưu và chạm phải khuôn vườn ma của bà Hai Miều. Nhưng cô đã bảo là trời bảo, cô lại Tư Tư con con ngọt lịm như vậy thì cầm chắc là cô đang vui và tôi đang được cưng rồi. Vào ban ngày, từ bến nhà tôi có thể thấy rõ cái ruộng đáy ba cột ở chỗ vịnh giáp với doi, nơi luôn có những giề lục bình quăn quýt làm cho nước như hung dữ hơn. Con nước vào dịp người ta đưa lưới ra đáy là con nước ròng, ròng vào ban đêm, lúc đó sông hẹp đi mà nước ở nguồn sông lại đổ xuôi mang theo cá bống, cá cơm, cá lười trâu và những con tép nước ngọt mềm oặt. Mỗi lần có dịp ngồi ghe lướt qua chỗ ruộng đáy bao giờ tôi cũng thán phục những thân cau già bị cắm trong lòng sông và thường tự hỏi: những người đàn ông nào đã làm được điều kỳ diệu đó? Sự thán phục ấy là vô hạn và mãi mãi. Những đêm nhằm con nước, hàng đèn bão trên những cái cọc đáy làm cho khúc sông Nước Đục vịnh tôi như thao thức, chập chờn. Tôi không biết rõ hơn việc làm đáy vì họ sống về đêm mà nhà họ lại ở vịnh bên kia, chếch chỗ vịnh tôi một tầm mắt.

Nghe rằng hồi xưa sông Nước Đục là một cánh đồng toàn tràm và sậy, lãnh thổ của voi và cá sấu. Voi đi mãi thành đường, thành lạch rồi thành sông, con sông cong queo ngẫu hứng một cách không thể nào ngẫu hứng hơn được nữa. Vì vậy mỗi vịnh là một xóm nhà biệt lập với xóm doi. Vịnh chơi với vịnh, doi đi lại với doi, gia đình tôi không bao giờ sang cái doi bên kia sông nên tôi chỉ thấy toàn nga ngễ, rau muống tím và lá dừa nước, vương quốc của trái bần, doi chuột và những ánh đèn xa khuất.

Tôi bắt đầu đặt chân lên đất doi liền với vịnh nhà. Cũng là đất thịt những hể bắt đầu địa thế doi thì đất bỗng khác đi: những mụn phèn trắng trắng như có ai đã bỏ công rắc muối đều lên khắp mặt đất, những cái mô tềng heng như những cái bướu khắp nơi, những con còng bò lang thang từ bãi bùn lên và những tàu dừa nước giao nhau thâm u rùng rợn. Đất doi là một thế giới khác do sông bồi kéo theo những sinh vật sống chung với biển lá. Trông nhà tôi, chị Bảy Nghĩa là thành viên của bếp núc, Út Riên thì ăn không ngồi rồi, chỉ có tôi là hay bị sai đi bụng thúng bán lẻ trái cây trong xóm hoặc đi vớt bèo tấm về cho lũ vịt xiêm trong chuồng. Nhưng đi mua cá ở ruộng đáy là phải đi vào lúc tờ mờ, lúc lũ ma doi còn nấn ná trong bóng tối hoang sơ và ẩm ướt.

Tôi chuẩn bị sẵn nhánh chà để đối phó với lũ ngỗng của nhà bà Bảy Sưu, một nếp nhà lá nhỏ xíu ít khi dựng cửa lên và một cái sân thấp trũng quanh năm nhoe nhoét. Bà Bảy già cỡ bà nội tôi, một bà già trắng trắng nhăn nheo khăn rằn choàng hầu bình thường nhưng cô con gái cầm của bà thì thật ấn tượng. Có phải vì cô cầm nên nhà họ mới nuôi ngỗng để chúng thay cô giao tiếp với hàng xóm chẳng? Nói chung cô cầm và bầy ngỗng là hai nỗi sợ khởi đầu cho nỗi sợ đất doi trong tôi. Lúc này cô đang mang bụng bầu, cái bụng của cô là đề tài lâu nay của cô Ràng và

chị Hoài, với nhà tôi, chữa hoang là cái tội tày đình, cầm mà còn chữa hoang nữa thì hết chỗ nói luôn.

Tôi huơ chà vừa đi vừa nhìn dán vào bầy ngỗng đang lúm xúm ngoài sân. Hình như lũ ngỗng nhà này không biết ngủ, không biết đi chơi nên lúc nào tôi có việc đi ngang đều thấy chúng tụ tập một cách lười nhác trên vuông sân nhỏ xíu ấy. Nghe động, chúng nhóng cổ bước dạt một chút vào trong rồi không hiểu sao, chúng quay lại ngay, tất cả rà cái cổ dài ngoằng ra tiến lạch bạch về phía tôi với thái độ thù địch cố hữu. Thế là tôi quay mặt lại, tiến lên bằng cách đi thụt lùi về phía doi, tiếp tục dùng nhánh chà chặn đứng “đối phương”. Bỗng dưng cô cầm xuất hiện, đầu tóc bù xù, nhất định cô đã không được giáo dục rằng con gái con lú ra khỏi mùng là phải cầm lược trước khi súc miệng, nhớ chưa! Cô ta ì ạch đuổi theo tôi, huơ tay huơ chân ú ớ, mà sao cô muốn rượt tôi? Tôi buông nhánh chà, cắp sát rổ rế vào nách chạy thực mạng. Nhưng cô cầm đã nhanh chân hơn tôi. Cô túm được vạt áo tôi, rồi nguyên cái bả vai của tôi, hai bàn tay xương xẩu, lạnh ngắt. Cô bắt tôi quay mặt lại đối diện với mái tóc rối bù và cái bụng như cái trống của cô. Cô dí dí vào mặt tôi lộn tiền ú ớ á á, cô muốn tôi mua giúp tép cá hàng đáy sao? Tôi ngoắc được vai ra, định chạy nữa, nhưng cô đã giữ chặt, dí dí ngón tay vào ngực tôi vào túi áo tôi. À, thì ra, trong lúc tự vệ với lũ ngỗng, tôi đã đánh rơi lộn tiền và cô cầm đã cứu tôi một trận đòn chắc phải nhớ đời. Tôi há hốc ngạc nhiên, người lỏng ra như ai đó vừa cất khỏi tôi một vật nặng nghen thở. Cô cầm quay vào ngay, bầy ngỗng cũng bỗng dưng hiện ra và tôi thì cầm cúi bước, vừa đi vừa suy nghĩ.

Tôi đi qua một lùm cây quỳnh anh vàng um tùm, một cây tra cũng đang nở bông vàng chói. Có mùi hoa dành dành ở đâu đó nữa. Sao tự dưng tôi nhìn và nghe thấy rất nhiều hoa? Cứ thế chân tôi chạm ranh đất bà Hai Miều, đó là một mảnh vườn trông từ ngoài vào chỉ thấy mía lao, mù u, mít bái, trâm bầu... nói chung toàn cây tạp để lấy củi và để cho ma ở. Một nếp nhà không lụp xụp lắm nhưng không giao du với ai, không mấy người bước vào bên trong nó được. Nghe nói bàn thờ nhà bà Miều phủ vải đỏ, cần cổ bà đeo bùa, trẻ con vô vườn bà bẻ mía hay lượm trái bình bát thường bị “ma dẫn”. Tôi chưa bị ma giấu lần nào nhưng rần rượt thì có, những con rần hổ ngựa vàng như lá cây khô, vừa phóng vừa quăng mình như thể đo đất. Bà Miều sống kỳ quái đến nỗi cô Ràng thường lấy bà ra làm ví dụ mỗi khi muốn giáo dục chúng tôi: “Tụi con muốn vườn mình thành danh như vườn bà Miều không? Gì chớ quy củ, ngăn nắp mới khó chớ thành rừng thành rú thì dễ ợt!”, “Tư hử, tụi con mà không biết cái công Tư, hôm nào Tư bỏ nhà Tư kiếm một chỗ như bà Miều, sướng thân!” Làm bà Miều tức là làm một người vô nghĩa, bị xa lánh và cảm chắc là bị quên lãng, cô tôi đã sống ngược lại nên lúc nào cô cũng khuấy động, bôn ba và dằn dỗi.

Muốn xuống chỗ ruộng đáy phải nhờ con bến của bà Miều. Cái bến của dân doi thường tít trong sâu, có con xẻo dài giữa biên lá để đưa ghe xuống ra vào. Con bến nhà này có mùi bần chín, có rất nhiều lá dái ngựa khô to như lá bàng, có sự thanh vắng âm u, rình rập. Có hôm bờ bến sẵn người chờ hàng đáy nên tôi được ngồi chung với họ, hôm nay không có ai, hoặc là người ta đã đến sớm hơn và đã mua hết cá tép rồi. Mặt sông Nước Đục mùa khô vẫn vù sượng như nồi nước bốc hơi, dưới đó là những giề lục bình cháy xém vì nắng và nước lợ.

- Bớ hàng đáy, cho mua cá tép đ..ơ..i.

- Đưa ra chợ hết r..ồ..i.. Sao bữa nay trễ quá v..ậ..y?

Tôi ngủ nướng, tôi đánh rơi tiền, tôi sợ ma nên thật tình đã không muốn đi hàng đáy sớm hơn. Giờ thì cầm rổ không về mà ông bà nội thì không thể thiếu thức ăn tươi một ngày được. Lo bữa ăn tươm tất cho nội là cái gạch tre đầu tiên trong quan niệm chữ hiếu của cô Ràng, rồi từ cô Ràng mà thành nếp sống cho cả nhà. Vì ông nội là người đứng mũi chịu sào tới phải mang bệnh vào thân, người luôn bị đau khổ hành hạ vì batôi, đứa con trai duy nhất và đặc biệt của ông đang bị dày đoạ ngoài Côn Đảo. Chúng tôi phải thấm nhuần cùng với cô Tư ý thức phụng sự ông bà, phải vô điều kiện với ông bà và sự lặn chần hôm nay của tôi là một cái tội.

- Hàng đáy ơi, có cá tép vụn không? Vụn cũng được mà!

- Con nước nào cũng kèo nà mà hồng chịu thức sớm? Nhà gì toàn sai con nít đi hàng đáy v..à..y?

Một chiếc xuồng từ đầu trời tới đầu bến, nước trong xẻo đang cạn, nó phải đậu ngoài xa chứ không vào tận chỗ tôi đứng được. Một thanh niên bước từ trong bùn lên, rộng cười thân thiện với tôi, một tay bung mâm nhợ câu tôm, tay kia xách chiếc rọng tre còn ướt nước. Đó là anh Hai Hiền, người có giọng ca rất mùi bài Võ Đông Sơ Bạch Thu Hà vào những đêm thanh vắng, khi anh và chiếc xuồng câu trôi lên trôi xuống trên vịnh. Anh là cháu nội đích tôn của bà Miều, sở dĩ anh cười đón với tôi là vì ba tôi và ba anh là bạn đờn ca, hồi ba tôi chưa bị bắt và ba anh cũng chưa bị răn cấm chết, hai ông đã hứa nữa sẽ kết sui gia, lời hứa như còn lơ lửng trong khi chị Hoài thì nhất quyết chờ ba tôi mãn hạn tù, cái chính là chị không muốn lấy một người suốt ngày câu nhợ với vọng cổ, lại còn về với mảnh vườn tạp của bà Hai Miều. Hai nếp vườn là sự khác nhau cơ bản về văn hoá của hai nhà, chị Hoài thường tỉ tê với cô Ràng như vậy.

- Anh có tôm càng nhưng anh chỉ cho chó không bán!

Tôm càng nướng, nước mắm tỏi và rau má non, mới nghĩ tôi đã ứa nước miếng rồi.

- Chị Hai nói không được lấy của anh Hai thứ gì cả! - Tôi bắt chước cô Ràng vẹo qua vẹo lại và đã đốt mấy tiếng anh Hai chị Hai để cho biết tôi đang nói đùa.

- Thì anh bán rồi anh lại cho em lộn tiền để em ăn kẹo bòn bon!

Bòn bon là những viên kẹo sô-cô-la xanh đỏ tím vàng nhỏ như trứng thằn lằn và xinh đến mức tôi thường đưa lên mắt ngắm chúng rất lâu trước khi bỏ vào miệng từng viên một để lắng nghe mùi thơm quý phái của nó.

Đang lúc bí, tôi mặc nhiên làm thỉnh, được thế, anh Hai Hiền gở lấy cái rổ, chọn từ trong cái rọng ra những con tôm ngon nhất rồi úp cái rế lên ấn lại tay tôi. Tôi đưa tiền, đưa thật, anh vờ lấy rồi lại nhét trở vào chiếc túi áo nhỏ xíu của tôi. Đùn đẩy một hồi anh mới trầm giọng:

- Anh thương chị Hai em thiệt lòng. Anh muốn sớm được làm đàn ông cho nhà em đỡ mà chị Hai cứ treo hoài. Anh sẽ chờ, chị muốn bao lâu anh cũng chờ!

Thâm tâm tôi thích gương mặt dễ coi của anh, tôi mến cái giọng mượt như lụa của anh với bài Võ Đông Sơ Bạch Thu Hà vào những đêm trời khô mây ráo, tôi thương sự chờ đợi vô vọng của anh. Nhưng tôi biết chị Hoài không muốn có chồng, chị sợ cảnh goá bụa như cô tôi, sợ cảnh chờ chồng của má tôi và chị lấy ba tôi ra làm mẫu, chị thấy không ai bằng ông và có thể xứng là rế ông.

Những con tôm càng phải được báo cáo rõ xuất xứ, lộn tiền cũng không thể tự tiện biến thành kẹo bòn bon mà phải đưa đủ lại cho bà nội gói cất. Nhà tôi, kể cả má tôi cũng không được có một xu tiền riêng, đồng tiền phải qui về một mối, đồng tiền không thể rơi vãi bất kỳ lý do gì, đồng tiền cho trẻ con ăn vặt càng không. Chị Hoài đòi ông nội phải ra roi với tôi vì tôi đã dám nhận tôm càng của anh Hai Hiền, cô Ràng thì bảo thôi, lần sau mà như vậy nữa hăng tính. Tôi thấy cô nói gì nhỏ nhỏ với bà nội và tủm tỉm cười còn chị Hoài thì đỏ mặt tía tai bên cái bàn máy may, cái gân trán chị nổi vòng trên gương mặt sa sầm như muốn khóc.

Từ nhà đến trường, tôi và chị Bảy Nghĩa phải đi dài theo Vịnh, rồi men theo một bờ tắt chéo qua một cái doi, rồi lại đi một đoạn Vịnh Ngoài nữa. Vào cỡ tháng mười, có hôm chúng tôi còn phải đốt đuốc đi một hồi trời mới sáng, thấy hai đứa ngáp vắn ngáp dài, cô Ràng hay giắc đác: “Hồi mình mới đi từ Cao Lãnh xuống, dân đây ít mà trường xa, ba của tụi con phải lấy cái vành xe đạp quất cho nó lăn rồi chạy theo để đỡ ngán đường!” Tôi chỉ biết mặt ba qua ảnh, ông bị bắt hồi tôi mới bốn tuổi, có lẽ vì ông không có hình thù rõ rệt trong trí nhớ mình nên qua lời của cô Tư, ba tôi càng bí ẩn, tuyệt vời hơn. Ông mới là nhân vật lý tưởng chứ không phải ông nội, gia đình vì cái án của ông mà có mối thù nhà, vì vậy, việc cho chúng tôi theo học cái trường kiểu “thiếu sinh quân tại chỗ” này là chuẩn bị cho chị em tôi vào Cứ để nối bước ông.

Hôm nay chúng tôi bị trễ vì tôi đã không dậy sớm và kết thúc việc mua tôm cá sớm. Chị Bảy Kiến Đen hầm hầm đi sau tôi như nói trễ thì trễ luôn đi, tao không thêm chịu trách nhiệm chuyện này. Tôi đi như bay qua những chiếc cầu khỉ không cần tay vịn, tôi bao giờ cũng nhanh nhẹn vì tôi nhỏ nhắn, linh hoạt nhờ quen nhảy mương vườn và trèo cây.

Trời sáng rõ, chúng tôi còn bị cản trở vì phải chào thưa và dừng lại trả lời thấu đáo mỗi khi ai đó trên đường gạn hỏi. Tôi không hiểu sao dân Vịnh nhà và cả Vịnh Ngoài nhận ra chị em chúng tôi dễ dàng trong đám học trò trên đường, như từ chúng tôi có mùi quýt cam của vườn nhà. Người ta túm chúng tôi lại ngắm nghía và bao giờ họ cũng hỏi thăm rồi mới cho đi. Đại loại: “Dao này ông bà nội có khoẻ không?” (câu này thật thông thường; “Cô Tư đi buôn bán hay ở nhà? Chèn ơi, giỏi giần mà tiết hạnh như cô Tư của tụi cháu vậy, hiếm lắm!” (câu này vừa tò mò vừa xã giao vì người ta đâu có biết cô của chúng tôi vật vả khổ sở ra sao; “Cháu của cô Ràng đây hả? Con nhỏ này (họ chỉ vào tôi) giống chang cô à ghen! Nè, độ này còn ăn cơm muộn nữa không? Nhà toàn đàn bà con gái mà đồng tâm hiệp lực khó ai bằng!” (câu này họ nói nhằm chừng chứ họ đâu biết mấy người đàn bà nhà tôi căng đẳng nhau như thế nào; “Nói thiệt coi, có đúng là ở nhà má hồng có đồng xu nào dính túi phải không?” (câu này thì rõ ràng là tọc mạch; “Nè, mùa nào tụi cháu cũng đi mót lúa thiệt sao? Vườn tước huê lợi nhiều lắm mà?” (câu này chúng tôi chỉ gục gặc cho qua y như thái độ với cái câu về tiền và má; “Để coi, có đúng là nhà tụi cháu không ai xỏ lỗ tai bông vòng gì ráo hả? Nữa, chừng có chồng thì làm sao, kỳ cục dữ ha?” (câu này thì chúng tôi làm thỉnh để mặc cho họ xoay trở sẫm soi hai chị em như hai vật thể lạ. Quả là gia đình chúng tôi không giống ai ở xóm Vịnh, ông nội tôi, cô Ràng tôi biết rõ vậy và luôn nhấn mạnh rằng đó là nếp vườn, là cách sống thanh cảnh của nghề vườn một khi nhà đông mà lại thiếu vắng đàn ông.

Vàm kinh Trục Thăng hiện ra không như ngày thường vì nhịp giữa của chiếc cầu ba nhịp đã bị chiếc ghe có mui nào đó giở lên rồi hất cho nó nằm trên đám lục bình quần bên chân cọc. Trục Thăng là con kinh đào đầu tiên của huyện nhà do dân công trong vùng thực hiện nối nhánh Nước Đục với Nước Trong để dân kháng chiến đi lại cho nhanh, cho kín. Sở dĩ nó có cái tên Trục Thăng là do hồi đào kinh, máy bay L.19 từ Vị Thanh sang phát hiện và giắc đã cho trục thăng bày đồ quân bắt sống dân công về tiểu khu làm khó. Nhưng con kinh không vì có người bị bắt mà dừng lại, người ta đã làm vào ban đêm và đã biết chặt cây lá nguy trang vào ban ngày. Câu chuyện kênh đào khiến tôi nhớ tới anh Năm Trường, đích tôn của nội tôi, con trai một của ba tôi, ông anh duy nhất của ba chị em tốp sau chúng tôi. Lúc tôi thành cô bé thiếu sinh quân tại chỗ thì anh Năm Trường đã vào Khu được mấy năm chứ lúc người ta huy động dân công đào kênh, anh mới được nội đem từ ngoài thành về sau khi kết thúc chương trình đệ tứ. Anh đang “nhổ giò” lớn bổng nhưng xem mỗi công tử bột quá nên nội chỉ cử anh tham gia biểu tình thị uy để lấy khí thế khởi công con kênh. Anh tôi đi trong đoàn người láo nháo qua Vịnh nhà, vô Vịnh Trong rồi đi tắt ra Vịnh Ngoài, khi về, cán bộ xã mách với ông tôi là anh không chịu hô

khẩu hiệu, không một lần nào. Ông nội tra, anh đồng dục phì cười: “Con ở thành được học bổng của chính quyền người ta, mới về còm học bổng còn nhét kẽ răng, sao đả đảo được?” Ông tôi làm thình rồi cũng cười theo, găm ra thẳng đích tôn của ông có lý, cái lý đạo nghĩa - dù tối thiểu hay nhất thời - thì người ta cũng phải có trong những tình huống tương tự. Anh Trường được “tha bổng” mặc dù ông nội quyết kéo anh về để gởi anh lên Khu.

Chị em tôi nhìn cái khúc cây nhíp giữa trên lục bình mà bất lực. Trong nhà tôi, trừ cô tôi ra, còn thì không ai biết bơi cả. Má tôi là dân trong rạch, trong rạch thì chỉ có bùn, ô rô và cóc kèn nên về nhà chồng rồi còn chưa rành xuống ghe nói chi bơi lội. Thế là từ chị Hoài, chị Niệm đến anh Trường và ba đứa nhỏ chúng tôi không dám ôm chuối cây hay bập dừa hay dừa khô điếc xuống xẻo nhà bập bùm vì hể má thấy là bà xách roi xuống. Sợ sông sâu nước chảy là một, sợ đũa là hai, mà hai thứ đó thì sông Nước Đục hào phóng lắm. Chị Niệm, anh Trường vô Cú với cái khoản mù bơi trong lý lịch, lúc này bà nội tôi, cô Tư tôi, má tôi mới sức nhớ và hay bêu bạo: “Trời ơi, không bom đạn thì cũng có thể chết trôi chết đuối, làm sao bây giờ, trời!” Cô tôi được dịp bèn cho má tôi “một bài học” vì cái kiểu rên con, cái tội “cung con lẳng nhách”!

Tôi ngồi xồm bên vòm kênh, thủ chiếc cặp xách trong lòng, nói cứng:

- Chờ một hồi thế nào cũng có người lớn tới, mình nhờ họ lấy nhíp cầu lên hoặc công qua.

Chị Bảy không thềm ngồi xuống cùng, ngoắt người một cái:

- Mà giỏi suốt ngày hươ tay hươ chươn nhảy mương, giờ nhảy đi, nhảy đi!

Tôi nín nhịn. Chị luôn ầm ức vì tôi được khen là giống cô Ràng, cũng như tôi thường ầm ức với Kiến Riện vậy.

- Để rồi coi, thế nào thầy Tiền cũng đi kiểm - tôi lại nói, tôi không làm thình lâu được - Vắng mình thầy chưa bắt đầu đâu!

- Giỏi nữa! Mầy là cục vàng của ổng, chắc?

Chị tôi tuổi cọt, tôi tuổi rồng, chị hay gằm gừ mà tôi thì hay đập đuôi, chị ở dưới đất, tôi bay trên không, chiến tranh thì chiến tranh nhưng chị chưa bao giờ vô được tôi.

Tôi ngửa mặt lên trời, tôi cầu xin và như thể nhìn thấy gương mặt thư sinh của thầy Tiền. Kia, thầy đang đi tới, hai cái cùi chỏ cong cong khuỳnh khuỳnh, cái quần soóc trắng thành thị, mái tóc hớt cao sáng sữa và nụ cười nhiệt thành hiếm có. Có một mối dây định mệnh nào đó tôi vẫn thường cảm thấy giữa thầy và gia đình tôi, tôi thường nghĩ về tình cảm đó với sự xao động thiêng liêng kỳ lạ.

Tôi ghi nhớ rất rõ cái hôm thầy Tiền xuất hiện trong nhà tôi, đúng hơn là xuất hiện trước mắt tôi. Đó là một buổi trưa trong vắt, sau khi mỗi cổ vì cây vọt và lũ bọ xít trong vườn quýt, một trong những công việc hàng ngày của tôi ở nhà - như lệ thường, tôi tót lên cây hạnh, ở đó có một cháng ba lì gai, thậm chí còn lên nước vì cái bàn tạ của tôi. Tôi không hái hạnh, chỉ hái khi nào được người lớn sai bảo, hạnh chỉ để vắt nước uống hoặc thay dấm pha nước chấm thôi. Tôi ngồi đó để lắng nghe tiếng cu gáy trong hậu vườn, trên tàng mù u hay đọt tre nào đó. Và tôi chờ, chờ cho lũ tu hú họa theo tiếng chim cu, khi đó thì buổi trưa như có thạch nhũ, trong suốt, lấp lánh và rơi rơi dưới ánh mặt trời. Tôi bắt đầu dọn giọng tu hú..tu hú...tu hú..ú, cứ thế nhanh

nhANH, nhANH nỮA và con tu hú đang rượt đuổi tiếng kêu của tôi cũng gấp rút, háu thẳng, mê mải, cuối cùng nó sững lại như thể nó đứt hơi và rơi lộn cổ rồi. Thế nhá, mầy thua tao trắng mắt rồi há! Lần nào nó cũng chịu thua trước và rồi một chập sau, lúc tôi đang nhăm nháp chiến thắng thì nó bất thần cất tiếng, khoan khoái như ban nãy và có ý chờ tiếng tu hú của tôi đối lại. Thôi, tao không thèm, mầy là thứ cướp con của ác là, tao không chấp! Nhưng trưa hôm sau là tôi lại leo lên cháng ba cây hạnh chờ nó, tôi ghiền những buổi trưa thanh tao như vậy trong vườn nhà.

Một lần tôi chợt nhìn xuống gốc hạnh và thấy một thanh niên tràn trề tuổi chị Hoài tôi. Người này đứng rùng rùng, quần soóc trắng, áo pul trắng như một cậu tú tài, gương mặt cũng trắng tươi một cách đặc biệt. Và nụ cười nữa, nụ cười như hút lấy người ta, chan hoà, thân thiết. Nhất định người này ở xa tới và đang đi vào nhà tôi với một chủ ý gì đó.

- Em bé tu hú xuống cho anh hỏi nhờ cái này!

Tôi trèo xuống, hồi hộp, sung sướng trước một thanh niên đầy ấn tượng. Nhà tôi thiếu vắng đàn ông, quanh năm thiếu vắng, khi tôi lớn lên thì ông nội đã có chòm râu bạc và hay gục đầu vào cù gây ho sù sụ rồi, ba tôi bị tù khi tôi còn chưa nhớ rõ được mặt ông còn anh Năm Trường mỗi khi về hè đều lớn giọng kiêu: “Mấy con kiến này sao lúc nào cũng cầu chí om sòm vậy hả?” Anh là con hiếm, là cục vàng của nội, là quý tử của má và cô nên anh coi ba đứa em nhỏ là đồ thừa, là lũ kiến có cũng được mà không có cũng được.

Người thanh niên lạ lập tức đặt tay lên vai tôi:

- Em tên gì, cháu của ông Ba Quýt phải không?

- Em là Tiệp Kiến Vàng!

Người ấy phì cười:

- Có quýt thì phải có kiến vàng, đúng không?

- Nhưng sao anh biết ông nội em?

Người thanh niên trịnh trọng:

- Anh là Tiền, ở xóm Chài Cần Thơ vô Cù đầu quân của Ban giáo dục tỉnh. Người ta cử anh xuống xã này mở trường dạy các em.

Nghe đến trường tôi nhảy tung lên trước mặt người đó. Thầy Tiền ngồi xuống kéo tôi sát lại, ân cần:

- Em học hết lớp mấy rồi?

- Em với chị Nghĩa mới hết lớp ba. Sau đồng khởi, thầy sợ quá, nghỉ luôn rồi. Với lại thầy nói sách không hợp nữa, sách có bài thơ Suy tôn Ngô tổng thống.

Thầy Tiên dỗ dành:

- Anh sẽ dạy các em bằng sách của bên mình gởi từ Hà Nội vô. Học kiểu có quàng khăn đỏ, có tập quân sự, thích há? Chắc Tiệp giỏi môn văn?

- Sao thầy biết?

- Anh cũng giỏi văn, anh thích thơ mà cũng có làm thơ. Anh thấy mặt mũi em sáng, nói năng hoạt bát mà lại có tâm hồn tu hú nữa.

Thế là chúng tôi thân ngay, thứ tình thân bí ẩn và gần bó. Bằng uy tín với xóm ấp, ông nội tôi giúp thầy dựng trường, thầy rất hay xuất hiện ở nhà tôi vào những lúc bất ngờ thú vị nhất nhưng không được mời ở (cô tôi không muốn trong nhà có thanh niên lạ ngủ lại vì chị Hoài chưa chồng, chị Bảy Nghĩa thì đang lớn lên). Cô sợ điều tiếng và sợ không kiểm soát được tình hình khi cô đi vắng. Nhưng không vì sự ngăn trở tế nhị ấy mà thầy Tiên không được xem là một thành viên của gia đình. Thầy không ở tại trường dù khuôn đất xã cấp có tới vài công. Thầy bảo ở với dân mới được ba cùng, dân là trường học mà thầy cần thọ giáo. Đã thành lệ, thầy vào nhà tôi bằng đường hậu vườn và tôi thường thấy thầy trước tiên: quần soóc, áo cộc tay bludông, một cái rùng chân, vẻ mặt rạng rỡ tươi cười, thế là thầy trò tôi cùng làm nhanh những việc thuộc phận sự của tôi để còn đi vô nhà, thầy mà có mặt thì nhà tôi nhà tôi xôn xao lên như có gió xuân, như có Tết. Sau đó thầy đàm đạo với ông tôi chuyện thời cuộc, thầy đổi cho bà tôi những cuốn truyện Tàu quần mép thầy mượn được của nhà ai đó, thầy giúp má tôi xay lúa cho heo, giúp bà mài dao, nêm cối, sửa lại sàng nước hay kê lại hàng lu, nhưng người thầy ở bên cạnh lâu nhất là cô Ràng, trăm thứ chuyện như một đứa con trai thành kính với mẹ, chỗ dựa tinh thần cho mẹ. Và ăn cơm, những bữa cơm muộn với cả nhà tôi, tự nhiên, thật lòng rồi đi ngủ nhờ nhà ai đó. Sáng sớm thầy đón chị em tôi ở cửa nhà thầy ngủ, trong khi chị Bảy nhập vào đám bạn “ngồi lê đôi mách” (từ của cô Ràng) thì thầy vịn vai tôi như hai anh em, như hai người bạn sống đôi chuyện văn và thơ vườn tược và chim cò, trường và lớp, mọi thứ. Thầy là thầy, là anh mà cũng là bạn, người bạn văn thơ vong niên kỳ diệu của tôi.

Chị em tôi là những người không biết đời sống ban bè. Bạn của chị Hoài tôi là chiếc máy may, chiếc máy hiệu Misshubisshi đầu tiên của xã mà nội tôi quyết mua về lúc chị mới mười sáu tuổi. Chị có nhiều con ốc tay, chị cẩn thận và dặt dào nên chị ít phải lao động chân tay mà chỉ may vá, bánh trái và nấu nướng, may rồi vá suốt ngày, quanh năm, cho cả cô dượng Cả trên Lung Lá, cho cả mấy bà bạn của cô Ràng nữa. Vì chị Hoài bận bịu thế nên chị Ba Niệm phải gánh vác chuyện tuồng sức của mảnh vườn: làm cỏ, đốn củi, chèo ghe, thu hoạch... nên tuổi thơ của chị đâu có được thả rong như những cô nhỏ cùng lứa, thế rồi mới vừa lớn đã được đưa vào Khu theo ý chỉ của ông nội. “Nhà con gái đông, không cho nó đi kháng chiến để ở nhà lấy làng lấy lính phản lại ba nó sao?” Chị Tư Khanh, bà chị mà cả nhà hay sụt sịt nhắc thì mười tuổi đã phải đánh bạn với sóng gió đường trường và chịu cảnh tha hương trên đất Bắc (vì ba tôi là trai một nên chị Tư tôi đã đi thay suất tập kết của ông). Chị Bảy Nghĩa cũng có bạn, bạn “nhảy dù”, nghĩa là chị lớn tác so với tuổi nên hay bị ngồi cuối lớp mà dưới đó thì lúc nào cũng có thể chum đầu chuyện văn chứ không như tôi phải ngồi bàn nhất hay bàn nhì. Rồi cái nhóm bàn cuối ấy thành tổ tam tam, khi đêm hôm họ cần nhau thì tôi thành chân liên lạc (dĩ nhiên lúc đó tôi là đứa dễ thương chứ không đành hanh để có thể bị ăn cốc vào đầu. Không như chị Bảy, tôi thích tuân thủ kỷ luật vì tôi quan niệm đó là danh dự của một thành viên dưới trướng cô Ràng) hay là “tai mầy sợ cô Tư tới xón đáí!” - nói theo kiểu chọc tức của chị Bảy tôi. Đi học về, máng ngay chiếc áo trắng lên mắc để mặc vào chiếc áo cũ lem luốc nhựa cây, thế là ra vườn. Ra vườn lúc cô Tư còn nghỉ trưa thì tôi nhảy cò bẹp một mình, ca hát một mình, làm bạn với tu hú với cu cườm và các thứ bướm sặc sỡ trong vườn thuốc nam của ông nội. Bạn của tôi là giọt nắng, mùi hương và những cây cầu bắc tạm qua những con mương vườn, dưới đó là bông súng và những con chuồn chuồn nước. Thật ra hồi chưa gặp thầy Tiên, tôi cũng đã không thích lũ con

gái trong lớp, chúng hay ghé vào cái cặp của tôi hỏi dò: “Bữa nay mầy hồng đem quýt đem cam theo sao?” Có đứa chưa hề biết đến cái bàn chải và hộp Zip nên cứ thở vào mặt tôi mùi răng thiu. “Nhà mầy giàu, mầy biết nhà mầy giàu nhứt xóm không?” Tôi thường làm một cử chỉ không thèm bắt chuyện, nhà tôi mà giàu sao, giàu mà tôi không có bông tai, các chị tôi, má tôi, cô tôi cũng vậy, giàu mà tôi không được đi chơi và ngủ trưa, giàu mà người lớn cãi lộn hoài, giàu mà phải đi mua lúa để ví vô bồ, cái bồ lúa chỉ đủ trăm gia cho cả năm chớ đâu có lúa ngàn như nhà người ta! Thật ra tôi có một cô bạn, chị tên Liêm, sát nhà bà Chín câu cá, bạn mà chỉ có thì giờ chơi một hai lượt cò bẹp lúc gặp nhau trước khi đến trường, vô lớp thì cặp đôi chơi đánh đũa “Chuyền chuyền một, một đôi, chuyền chuyền hai, hai đôi...” Nhưng Liêm không còn, Liêm bị hà bá sông Nước Đục bắt đi rồi, từ đó tôi cô độc hoàn toàn và tôi thích sự cô độc trọn vẹn của tôi giữa vườn và lá.

Cho đến khi thầy Tiền xuất hiện.

- Lớn, Tiệp sẽ làm gì? - một lần thầy Tiền ướm hỏi như vậy khi thầy và tôi sóng đôi nhau đi đến trường.

- Em sẽ làm cô giáo để được phụ huynh với học trò thương như thầy.

- Người ở đây cư cực mà tốt bụng lắm. Rồi nước sẽ hết lợ, người ta sẽ bắt chước ông nội em lập vườn. Anh là dân vườn, anh thích nghề vườn lắm.

- Thầy có thích chị Hai của em không?

Một tiếng cười sững sốt:

- Thầy coi chị Hoài như chị. Chị Hoài đáng mặt là chị cả lắm.

Tôi buồn xịu:

- Nhưng chị Ba em có chồng ở trong Khu rồi, để con rồi!

- Để con trai hay con gái?

- Con gái mới buồn! Ông nội nói nhà gì toàn nước mắt thúì không.

Thầy Tiền bật cười, ngửa cổ lên mà cười:

- Con gái như chị Hoài với em là vàng chớ nước mắt gì!

- Hay thầy chờ chị Tư em tập kết về? Hay chờ chị Nghĩa em lớn lên, thầy chờ nổi không?

Lần này thì cười khì:

- Em hay có ý nghĩ độc đáo quá hả? Em có tư chất văn chương đó.

- À, em nhớ ra rồi, cô Tư em có người con gái đi học ngoài thành, học đệ tứ, chắc là xứng với thầy lắm!

Thầy Tiền cúi xuống, chăm chú, nghiêm trang:

- Được làm rể cô Tư là hạnh phúc rồi. Cô em là người đặc biệt, quá đặc biệt mà thầy tôn thờ. Nhưng sao Tiệp không làm mối cho anh với người ngoài mà toàn muốn với người của nhà mình thôi?

Thường thường câu chuyện đến đây thì thầy vui lên hết cỡ còn tôi thì cúi đầu lặng lẽ. Tôi không muốn nói rõ hơn lòng mình, tôi luôn muốn nhìn thấy thầy, được đi vườn với thầy, được nghe thầy cười, được chép thơ của thầy vào sổ tay mình, được nghe bàn tay âu yếm của thầy trên vai mình mỗi khi bước đi hay lúc cả hai cùng thỉ vị về câu nói nào đó.

Một hôm, cũng đang trên đường xóm Vịnh đến trường, cũng đang lúc thầy bá vai tôi bước đi, giọng thầy bỗng trở nên ngậm ngùi:

- Hết niên khoá này chắc anh không dạy các em học lên được đâu!

-...

- Đừng có mít ướt dễ vậy cô bé! Anh phải đi, dạy học để cho phụ nữ làm cũng được.

-...

- Anh muốn đi bộ đội. Anh đi dạy bổ túc văn hoá cho bộ đội tiểu đoàn Tây Đô tỉnh. ở đây lặng lẽ quá, anh muốn xông pha, di chuyển, chiến đấu...

- Thầy không muốn làm rể cô Tư em nữa sao?

Thầy Tiền bật cười, tiếng cười vang và náo nhiệt:

- Đi bộ đội với làm rể đâu có gì mâu thuẫn nhau? Nhưng mà Tiệp không được nói lộ ra chuyện anh đi bộ đội với nội với cô với chị Hoài, nghe?

- Thầy sợ cô em không gả con cho thầy chớ gì?

- Anh sợ nhà mình quá thương anh nên bàn lui, anh sợ nước mắt đàn bà!

Từ hôm thầy tâm sự đến hôm tôi đứng ngóng thầy bên vòm kênh Trục Thăng là thời gian hệ trọng (giữa chúng tôi), là một bí mật tâm tư, là từng ngày quý báu được bên nhau và niềm hy vọng định mệnh: thầy sẽ là thành viên mãi mãi của gia đình tôi bằng việc kết hôn với ai đó không rõ.

Quả nhiên như tôi dự đoán hồi đầu với chị Bảy Nghĩa, thầy Tiền không thấy chị em tôi đến lớp nên đã chạy tới và xuất hiện bên kia vòm kính. Thầy sốt ruột mà vẫn tươi cười:

- Có mấy bạn phải lội kinh mới tới trường được. Anh biết hai con kiến nhà cô Ràng sợ nước!

Tôi vênh mặt với chị Bảy Đen: tui có thần giao cách cảm với thầy, thấy chưa!

Mừng vì có thầy giúp, lần này chị Bảy tha bổng cho tôi.

Thầy Tiên lội xuống nước, vớt cái nhịp cầu dưới lục bình lên, loay quay bắc lại rồi đứng nhìn âu yếm chị em chúng tôi chạy qua cầu. Đó là người thầy đúng nghĩa, người thầy lý tưởng đã không bao giờ ra đi trong tâm tưởng tôi.

Buổi trưa

Sau bữa cơm được dành phần trong chiếc lồng bàn bằng nan mây, chị Bảy Nghĩa ra vườn với má, đó là giây phút riêng tư nhất của chị trong ngày. Chị không tranh thủ lang thang nghiêng ngó như tôi mà giúp má thật sự: đẩy cho xong liếp cỏ, róc lá dừa khô bó lại hay chặt củi đưa ra chỗ nắng phơi... Nếu được yên tĩnh bên má như vậy chị sẽ cặm cụi ngày này sang ngày khác mà không kêu ca đòi hỏi gì, y như má.

Như mọi hôm, cô Tư đang chờ sẵn tôi trên chiếc giường mà hai cô cháu tôi vẫn ngủ hàng đêm.

- Kiến Vàng rồi chưa, đem đồ nghề vô đi!

“Đồ nghề” của tôi là một nhúm thóc thay nhíp để nhổ tóc sâu hay nhổ lông nách cho cô, một cái đồng xu ngâm trong cốc dầu dừa để đánh gió, có khi thêm bộ ống giác hơi nếu cô tôi có bệnh. Tôi biết nhổ tóc sâu cho ông nội từ hồi ba bốn tuổi - giờ Út Riện tiếp thu việc đó - tôi biết cầm đồng xu đi cạo gió giúp hàng xóm hồi sáu tuổi và giờ thì cầm cây rọi đốt ống giác hơi thạo không thua gì chị Hoài.

Sau tắm ri-đô thay cửa buồng, cô Ràng cởi trần, áo cánh đắp lên ngực, đợi sẵn. Nhưng như thế không có nghĩa là tôi có thể vào việc chính ngay, bởi cô đang mải hút thuốc. Một nhúm thuốc xỉa của người ăn trầu và một thẻo giấy quynn, thế là thành điệu thuốc vắn cỡ ngón tay ươn ướt nước miếng. Hút thuốc nguyên điệu sẵn thì giống tay ghiền quá, có lẽ vậy nên cô chỉ hút khi nào thích bằng cách tự vắn lấy thứ thuốc gò Cao Lãnh chính hiệu. Cao Lãnh là bản quán, phàm những gì liên quan đến Cao Lãnh đều nhất nhất trong tâm trí cô tôi: đàn bà ở đó nét na nhất, vườn tược ở đó cũng vén khéo nhất và dĩ nhiên thuốc giồng ở đó cũng đâu có hạng nhì được! Mùi Cao Lãnh nè, con hít thử coi, tôi hay được cô áp bánh thuốc gò vàng hươu lên mũi, những sợi thuốc mịn và có vị ngọt nhưng tôi áp lâu thì bị hắt hơi.

Khi cô Tư hút thuốc thì tôi không được hỏi chuyện hay nhổ tóc sâu hay đánh gió giác hơi mà chỉ nên dấm bóp hai ống chân nhỏ nhắn so với cái cơ thể nhiều mỡ của bà. Lúc kẹp lấy điệu thuốc bao giờ bà cũng tréo ngoáy chân lên, ngúc ngoắc mấy ngón chân trầm ngâm và bập bập hít hà, lúc đó tôi phải lòn tay vào một ống chân để dưng và nắn bóp khe khẽ từng căng-tì-mét

da non nhẽo. Tôi ít khi rời mắt khỏi cô vì khi hút thuốc, trông cô đắm chìm lao lung mà như thể vật vờ bởi một nỗi niềm gì đó thường trực, sâu kín, khó chịu, không nói nên lời. Cô hít thuốc, không để thuốc qua mũi mà nhả ra từ miệng, đích thị cô không tìm đến nó để giải ghiền mà vì không có cách nào khuấy khoả tốt hơn. Cô bộc lộ, cô buông thả mà cô cũng yếu đuối một cách lạ lùng khi kẹp điếu thuốc giữa hai ngón tay.

Tôi bóp xong cả hai chân cho cô thì cũng vừa lúc cô bung một cách dứt khoát cái tàn thuốc vô găm giường, hành động mất trật tự duy nhất cô tự cho phép mình. Cô kéo tấm áo đắp trên ngực xuống để tôi bắt đầu đánh gió hai cái ức ngực, công cụ là chiếc đồng xu thời Bảo Đại mòn hết chữ bóng lưng màu đồng. Một đường giữa rãnh ngực, ngực của người đàn bà một còn dồi dào sinh lực và có hai cái đầu vú đỏ tươi. Hai trái ngực đung đưa và hai cái núm hoa sưng cồ lên khiêu khích khi tay tôi chạm lên chạm xuống. Tôi thích hai cái núm vú chúm chím như cười, chừng như cô tôi cũng thích vì được mơn trớn, chăm sóc. Chiếc đồng xu lại đánh vào hai đường rãnh dưới cái cần cổ nhỏ nhắn, linh động. Đánh gió chỉ có tác dụng khi người đó lên sốt, ngày nào cô tôi cũng thư giãn kiểu này, gió máy nào dám bén mảng nữa. Tôi cạo theo giờ, cạo hú hoạ và cô cũng nhắm chừng lâu lâu thì lật úp lại để tôi chăm sóc phần lưng. Cái lưng của cô thì mệnh mông so với tầm tay của tôi, da lại dày nên lần đó hôm trước chưa tan hẳn thì hôm sau đã lại chùng lên. Má tôi gọi đó là trò mài lưng chứ nào phải đánh gió đánh máy gì.

Chuyện rằng khi ông tôi cầm chiếc ghe lườn vào cái xóm Vịnh này, bà tôi đã không chịu bước lên bờ để phản đối ông một lần cuối xem sao.

- Ông tính để ba đứa con ông lượn bần ăn rồi chơi với khỉ hả?

Lúc đó ông nội tôi mới bốn mươi tuổi, còn cường sức và đầy nhiệt huyết. Ông đáp lấp lửng:

- Bần chín cũng phải mua mới có ăn, khỉ cũng mua mới có chơi, bà tưởng!

Bà nội tôi thọc tay xuống nước khoát nước sông đùng đùng để ông tôi thấy ánh lân tinh nhảy nhót trong đêm tối:

- Nước mặn vậy, ông trồng tràm trồng lá dừa nước chớ lập vườn cái nổi gì!

- Ấy, bà coi chừng cá sấu đánh hơi lật úp ghe, ngheo!

Dưới những tảng lục bình tràm kha có thể đứng trên đó mà xấn chúng ra được, nghe đồn còn có những con cá sấu “biết nói” và ông tôi đã đẩy được bà tôi lên bờ. Bà ngồi phệt xuống đất khóc già:

- Về đây thì đình chùa đâu mà lẽ lạc nữa! Ông vô thần vô thánh được chớ tui thì...

- Thì bà cần đình để rước gánh hát bội tới chớ gì? Có người khắc có đình, lo chi!

Bà tôi vốn mê hát tuồng, bà thuộc hết tích diễn, có lần bà đã nhảy lên sân khấu cướp đạo cụ của diễn viên rồi vào vai luôn, sô diễn của bà thành tiếng đồn rồi thành giai thoại để lại cho đất Cao Lãnh trên kia.

Với số tiền giắt trong ruột tượng quần quanh người, ông tôi mua hai hec - ta tràm rồi phá

tràm, đào trộn đất lên liếp trồng dâu nuôi tằm trong lúc chờ đất rỏ phèn. Bầy em trai mà ông kéo theo bằng hết đã mua mỗi người một sớ đất hợp với ý thích của mình. Ông Tư tậu một sớ đất rẫy, ông Sáu mua đất ở vịnh bên để trồng dâu sống nghề tơ lụa như ông nội tôi, ông Bảy thì đi dài xuống nữa rồi bỏ mình cho sóng nước Cà Mau, riêng ông Năm thì thừa nguyên một cái doi để trồng dừa. Cô Cả và cô Ràng không được đến trường theo qui định bắt thành văn thời đó đối với phụ nữ, ba tôi nổi lại việc học ở một cái trường rất xa và ông đã phải dùng cái vành xe đạp đánh cho nó lăn để ông chạy theo.

Cô Cả lớn lên, trong lúc ông bà nội tìm cách gả về Cao Lãnh để khỏi lạc tông - ông tôi vẫn coi thường dân đất tràm và khỉ của sông Nước Đục. Nhưng cô mới mười sáu tuổi thì ông Chủ Mù ở cuối Vịnh đánh tiền cho con trai trưởng. Nhà họ có ruộng tràm, có vườn cây lưu niên, dù sao cũng ít ô trọc hơn những gia đình chan chất nghề ruộng. Đám cưới rõ ràng, dượng Cả cao ráo, ướt át chứ không chém to kho mận như những chàng nông dân miệt ruộng khác nhưng bà nội tôi chỉ tiếc các món cỗ không thanh tao như cỗ đất Cao Lãnh, trong đó không hiểu sao lại có món bí đỏ hầm nước cốt dừa chỉ đáng để ăn với cơm nguội và dưa mắm khi nhà không có thịt cá thôi. Bà nội tiếc hoài, khi cô dượng Cả có một bầy con rồi mà bà vẫn còn nhắc. Những tưởng làm dâu nhà địa chủ thì được nhàn thân, ai ngờ cô Cả tôi thức khuya dậy sớm mà không hết việc, vào mùa cấy, phải nấu xôi rồi đội ra đồng cho người ăn trưa cũng đủ cụp lưng rồi. Bà nội tôi được dịp chì chiết chồng:

- Thấy chưa, ông tìm nơi khỉ ho cò gáy, vườn dâu chưa thấy, chỉ thấy con gái ông thú hết móng chun!

Sai thì phải sửa. Còn mình cô út, cô Ràng, ông quyết gả ra thành để khỏi mưa khỏi nắng. Dượng Tư tôi “xem mắt” cô vợ tương lai qua ảnh từ một người làm mối, thoát nhìn, ông biết đây là người lanh lợi, đáo để, tháo vát và chắc rất sáng dạ. Đám cưới không có món bí đỏ hầm dừa, nhưng lúc đó ông dượng thành thị mới biết cô dâu cả của nhà mình mù chữ, bù lại, cô tôi không sĩ diện mà còn học chữ nào nhớ khẩn ngay chữ nấy. Nhà chồng sống bằng nghề kinh doanh vàng bạc ở chợ Rạch Giá, mỗi khi con trai phạm tội, ông bà bắt cúi xuống kê roi như một đứa trẻ, lúc đó cô Ràng phải nằm xuống theo đỡ đòn cho chồng. Mà dượng tôi thì liên tục gây tội vì là con nhà giàu mà lại có Tây học. Thế là cô tôi kéo chồng về vườn nhà mình, giữ chân thư ký xưởng dệt cho ông nội tôi, số cô là số cầm quyền. Rồi kháng chiến bùng nổ, ba tôi đi Vệ quốc đoàn, dượng Tư thay ông chăm lo ông bà và mảnh vườn. Rồi bao vây kinh tế, vùng trong quyết không cho vùng ngoài có lúa gạo, gia cầm, tôm cá, phen này lũ thành thị thế nào cũng chết đói cùng với lũ giặc. Nhưng vùng trong không có đường sữa, dầu hoả, thuốc men và dượng Tư tôi đã qua đời trong một cơn thương hàn không thuốc. Lúc đó cô Ràng mới hai mươi tám tuổi. Nhà người ta mất con trai, cô không muốn người ta xa cháu nên đưa cô con duy nhất của mình ra thành cho nội nó rồi quay về nhận một lời ký thác của ba tôi:

- Làm đàn ông, lúc này anh không mặt mũi nào ở nhà. Anh giao ba má, vườn tược với bầy con anh cho em. Anh biết chị dâu em vụng mà con anh đông, anh trông cậy vào em nhen Ràng!

Ai chở ba tôi mà cầu xin thì cô tôi chỉ còn nước chôn tuổi trẻ xuống đất mà đứng lên. Vì ba tôi là anh trai duy nhất, người đàn ông toàn diện, tuyệt vời nhất mà cô tôi tôn thờ. Tình cảm của cô dành cho ba tôi là vô điều kiện, trang trọng, mãi mãi.

Cũng chuyện rằng hồi đó, có một ông Tám nào đó trong số cán bộ Việt Minh hay tá túc trong nhà đã ngỏ lời cầu hôn cô Ràng. Ông đã từng có vợ, hẳn nhiên, lý do chia rẽ vợ chồng ông là hai người không cùng chính kiến. Cô tôi sẵn sàng đi bước nữa vì lấy ông Tám thì cô vẫn được ở lại vườn nhà, cũng có nghĩa là giữ được lời thề về bốn phận với ba tôi. Trước ngày cưới, cô

nói muốn đi một chuyến cho biết nhà ông Tám trên Sài Gòn, nếu được, sẽ đón người nhà ông vào dự lễ. Dọc đường, nghĩ sao cô Ràng lại tạt vào chỗ người vợ cũ của ông Tám trước, chỉ xưng mình là người trong Cú ra để hỏi han vợ con ông. Nhắc tới chồng, người đàn bà giàu có ấy chỉ biết khóc, khóc không ngừng đầu lên được, những giọt nước mắt nhớ thương, tủi hận, tiếc nuối, đủ cả. Thế là cô Tư tôi đón bà ta vào vùng trong, đưa thẳng về nhà mình để tái hợp với ông Tám. Vốn trọng nghĩa, ông nội tôi đứng ra tổ chức cho họ một buổi gọi là hấp hôn, sau đó ông Tám trở về Khu Chín và cũng biến mất luôn. Ông biến mất nhưng hình ảnh ông vẫn còn, tôi biết rõ điều đó khi cô nheo nheo mắt nhắc ông vào những lúc thư giãn trong vườn, cả khi cô không nói gì mà chỉ thở dài rồi liên tục trở bộ trong mùng bên cạnh tôi. Và những điều thuốc, những cơn cảm vờ, những trò đánh gió giác hơi, những ánh đuốc ngẫu hứng vào giấc khuya đã giúp cô Tư Ràng của nhà tôi giải toả nỗi tức tưởi của một bà goá trẻ.

Sau đó

Không phải ngẫu nhiên mà cô Ràng bắt tôi đánh gió ngực trước rồi lưng sau. Là vì cô sẽ ngủ thiếp đi khi tôi “mài lưng” cho cô, giấc ngủ có một chiếc gối ôm trong lòng còn tôi thì có thể rón rén biến đi đâu tùy ý. Ít khi má tôi đợi đến lúc cô Tư ngủ say, bà nóng ruột cho con, bà không chịu nổi cảnh ngày nào “người ta” cùng “đầy đoạ” con mình nên bà hay thập thò sau cửa sổ ra hiệu cho tôi ra khỏi giường đi, bỏ đi, thầy kệ đi. Nhiều lúc tôi phải phì cười vì những động tác cầm của bà và càng sợ cô tôi phát hiện ra chuyện đó, tôi càng không dám ngơ tay để cô ngủ sâu hơn đã.

Trưa nay má tôi nhất quyết không thôi ra hiệu một khi tôi chưa ra khỏi giường. Như vậy là sẽ có chuyện cần kíp đây. Tôi cũng không nghe tiếng Kiến Riện leo nheo trên ván gỗ với bà nội nữa, sự vắng mặt của nó khả nghi lắm. Tôi nhè nhẹ tụt xuống đất, không quên đắp tấm áo qua người cô Tư rồi xuống bếp, ra vườn. Má tôi đang đi tè tái phía trước, cái ngực hơi nẩy, hai mối khăn rằn vắt qua vắt lại trên đầu đổ xấp xải xuống sau ót. Khác với vẻ khoan thai bệ vệ của cô Tư, má tôi lúc nào cũng lật đặt lúi đúi và tối sầm vì mặt mũi, khăn áo thâm kim, sòn cũ. Nếu có hai cái khăn cùng bạc màu cùng kiểu sọc giống nhau trên mắc, chỉ cần ngửi qua là tôi phân biệt được đâu là của Tư đâu là của má. Mùi của má tôi là mùi của nặng nhọc, lam lũ và chịu khó.

Má tôi đi te lại góc vườn rất khuất cạnh khu chòm mả của chủ đất. Như thế này thì tôi biết rồi, tôi đã nghe mùi mít chín xộc vô mũi rồi. Chị Kiến Đen ngừng nhai, một múi mít cắn dở, đôi mắt lộ chớp chớp, mặt mũi tươi cười như nói: Mây lằng xằng tối ngày với cô, mây thấy thiệt thòi chưa! Út Riện thì gần như bò trên chiếc mo cau thay cho cái mâm, nó không phải đùa nhin thềm nhưng được bò ra miếng ăn miếng bỏ như vậy thì ít khi lắm. Má đập nhẹ vào lưng tôi ra lệnh:

- Ăn đi, ăn cho đã thềm đi!

Thật ra chị em tôi đâu có chết thềm. Một khu vườn quýt cam bưởi bông, chúng tôi đã từng chọn những trái to nhất, la đà nhất để tự ăn vào bất cứ lúc nào; một khu vườn dừa có hẳn một đội ngũ dừa xiêm chuyên cung cấp nước giải khát; một khu thổ cư mùa nào thức ấy, chỉ thiếu có mỗi sầu riêng vì chân đất còn ngấm phèn chưa đặt giống xuống được. Ngay cây mía, ông tôi cũng trồng cả mía tím, mía vàng, mía lao để con cháu muốn gì có nấy theo phương châm: Đã sống bằng nghề vườn thì lúc nào cũng phải có cái gì đó bỏ vô miệng!

Má tôi hoàn toàn không bằng lòng với cách ăn chung, ăn quây quần có kẻ trên người dưới, bà chỉ muốn thấy con cái mình xúm xít chung quanh mỗi mình bà. Bà thường hái trước quả mít to nhất hay chục sa-pô-chê ngon nhất rồi đem dú trong đồng cỏ hay đồng lá dứa cũ để chờ khi tập hợp đủ ba đứa nhỏ. Trước tiên bà nhìn chúng tôi ăn, lũ trẻ lúc đó đã đánh rơi giáo lý đồng lòng đồng khổ của cô Ràng rồi, chúng tôi ngồi khuynh khoang, chúng tôi tha hồ giởn hót và ngốn ngấu, ăn vụng đã ngon, ăn vụng cả một trái mít nghệ, giống mít nổi tiếng của nhà ông Ba thì còn gì bằng! Chúng tôi ăn, ăn bằng thích, múi ăn múi bỏ vì không thể ăn hết một quả mít to bằng cái thùng gạo vào một buổi trưa! Chúng tôi giục má ăn đi, má ăn tiếp tụi con đi, bây giờ bà mới cầm từng múi mít lên dăm dăm nhỏ nhẹ, ở đâu bà cũng có dáng ngồi ăn lăm lăm yếm thế như vậy vì bà đã quen với tình cảnh bà nội thì kỹ tính còn cô em chồng thì nhiều quyền. Bà ăn một cách tội nghiệp, thỉnh thoảng lại làu bàu:

- Không lựa cái ngon ăn, để bày con nhà cô Cả trên Lung xuống cũng hết! Không nữa thì cũng cho người này người kia, mà sao hay cho chác lung tung quá trời!

Cô Ràng nói “Của ăn là của hết, của cho là của còn”, hoặc “Tư hay cho người ta là Tư gánh gạo đường xa cho các con, sau này đi đâu các con cũng được người khác cho lại”. Má tôi thì quyết chống lại nhà chồng, chống tất tậ nên bà chỉ khoanh phạm vi quan tâm trong đám con của bà.

Tôi không biết ông nội nghĩ gì nhưng bà tôi thì hay vở lẽ ra rằng các cuộc hôn nhân của ba đứa con bà xem ra đều sai lầm cả. Cô Cả thì được nuôi lớn bằng nghề vườn, có chồng phải gánh lấy nghề ruộng, mà đã thuần ruộng thì nhàn nhã làm sao được. Cô út như đã nói, tưởng thoát được sông Nước Đục ra thành ăn trắng mặc trơn, vậy rồi anh trai đi thoát ly, chị dâu yếu kém, phải quay lại cáng đáng gia đạo rồi thành ra goá bụa luôn. Trong ba người con, cuộc hôn nhân của ba má tôi là đề tài gây tranh trở nhất cho nhà nội tôi, có lẽ vì mọi người kỳ vọng ở má tôi quá nhiều.

Má tôi là người con thứ mười của gia đình có tới mười ba người con ở cách Vịnh tôi một giang đồng. Khi người làm mỗi đánh tiếng, ông tôi đã nghi ngờ:

- Dân trong rạch hả? Trong rạch thì cầm chắc là lò dờ, ăn ở bết bát. Sông sâu nước chảy còn chưa thấy gì, đây còn trong kinh trong rạch!

Nhưng ngoại tôi là một điền chủ nhỏ, từng đứng ra huy động dân xẻ kinh làm thủy lợi trong vùng, với ông nội tôi, người như vậy cũng là có đức và có năng lực. Ngày nhà trai chạm ngõ, cô dâu tương lai mới mười sáu tuổi còn ẵm cháu sang hàng xóm chơi đánh đũa. Cô Ràng lúc đó mới mười lăm tuổi đã thở dài như một bà già:

- Nhà anh chị em đông, xem ra chị này không biết lo toan quán xuyến rồi.

Nhưng chuyện hôn nhân đã được khởi động, đó là chữ tín giữa hai nhà với nhau. Lúc cưới ba tôi mới mười tám nhưng theo lời ngời ca muôn thuở của cô Tư thì: “Ba con hơn má con tới mười cái đầu!”

Nhà ngoại với chị em tôi không quá mờ nhạt, cũng không thể có sức hút của một thời nam châm như nhà nội được. Đó là những bữa giỗ ngoại - ba đứa nhỏ chúng tôi không biết mặt ngoại ra sao - tôi mới được theo má về bên kia cánh đồng, ở đó tôi luôn là vật thể sáng láng và xa cách để các cậu các dì sấm soi. Tôi không thể thân với mùi bùn rạch ở những đứa trẻ trang

lửa trong họ ngoại, tôi ăn dè chừng món bánh ít với thứ nhân đậu xanh còn lẫn vỏ, tôi nhón nhén với thứ nước chấm không biết pha chế bằng nước dừa xiêm như nhà mình, tôi chun mũi với thứ dưa tre thum thum lau chùi không sạch... Không bao giờ má tôi ngủ lại bên ngoại, có lẽ vì chị em tôi không chịu ngủ lại, chúng tôi sợ những chiếc chiếu âm ẩm hôi hôi trong góc nhà, sợ những chiếc mùng bằng vải xô đen đen vết máu rệp. Khi về đến nhà thế nào tôi cũng phải nói ngay, nói nhỏ ngay với chị Hoài rằng món bánh nhân đậu nhiều sạn vỏ như thế nào, món nước chấm mặn đắng ra làm sao và nhún vai và lắc đầu ra ý lần sau không muốn đi giỗ ngoại nữa. Những ngày Tết thì thích hơn, lúc đó không gian thanh sạch, bờ rạch bên kia giang đồng cao ráo, sẫm sẫm lên. Tôi không để ý đến bánh trái, thịt kho, thịt khìa nhà ngoại nữa, tôi không chấp sự vụng về của các thứ đó vì tôi thích màu vàng ngời ngời của cánh đồng ban sớm và thích những cơn gió mát buổi đêm khi chúng tôi trở về. Rơm và rạ, hương đồng và gió nội, những lúc đó tôi mới thấy rằng có một cơn rạch gọi là quê ngoại để qua lại vẫn hơn là không có chỗ nào. Và trên hết, trên sự sáng khoái được ngao du trong ngày Tết, tôi còn thấy một sự thú vị khác, đó là được nhìn thấy má tôi tự chủ, kiêu hãnh như một con cá giữa dòng nước cội nguồn, thậm chí bà còn lóng lánh hạnh phúc vì nhà chồng có tiếng và các con bà trông vẫn cứ sáng rõ hơn đám cháu trong họ mình.

Không phải chị Bảy Đen mà chính tôi mới hay đi chợ với má, những chuyến chợ gần gần không quan trọng. Đi Vị Thanh thì phải dậy từ lúc sao mai còn chưa ló dạng vì phải đi chèo. Nhà có chiếc Kole bốn ngựa vừa là máy bơm nước tưới cây vừa dùng làm máy đuôi tôm khi cần nhưng má tôi thuộc loại “máy móc chê” - nói theo ngôn ngữ của cô Ràng, máy may bà còn không biết ngồi vào nữa là máy nổ! Má tôi đứng lái, chiếc tam bản nhỏ đi hai chèo, bà chèo miết không bắt chuyện cũng không hát hò vì bà phải chú ý đường sá mà công việc chèo chống đâu có dễ dàng gì. Tôi cầm dầm hươu đằng mũi, tôi bưng bê các thứ giúp má lên bãi chợ và tôi ngồi giữ ghe dưới trời nắng cho đến khi bà bán xong các thứ hồ lớn của vườn nhà. Bà mua mua xách xách một cách gò bó vì về còn phải kê khai với bà nội và giao tiền dư lại. Có lẽ vì vậy mà bà hay vụng tay với tôi, con muốn ăn gì tùy thích, ăn tới bể bụng cũng được. Bà chỉ nhìn con ăn chứ mình thì chỉ lót dạ cho đừng đói và không dám sấm sanh riêng mình thứ gì.

Trên đường từ chợ Vị Thanh về, chúng tôi phải qua một đoạn kênh Tắt, buổi trưa bao giờ cũng bị nước ròng. Nếu hôm đó ròng sát, má con tôi phải tấp vô nhà ai đó đục nắng và giở bếp cà ràng ra nấu ăn. Tôi thích mê ly những bữa cơm lúi húi hoang dã này, vài cái trứng chiên, mấy lát thịt ba rọi, thế là thành cảnh hui hút nhớ đời của má con tôi. Có khi thấy nước tràn đầy lòng kênh, tưởng bỏ, má tôi cầm cái chèo thẳng ai ngờ giữa đồng trống lại bị cạn phải nhảy lên bờ quàng dây qua người kéo ghe đi. Má tôi làm được tất cả, vượt qua được tất cả những việc này một cách chậm chạp, bền bỉ duy không bằng cô Ràng là vì không biết ước lượng mức nước để phải phí sức dọc đường.

Tôi nhớ lần đó, một chuyến ép mía ở chợ nhỏ Cái Sinh, cách nhà tôi khoảng ba giờ chèo ghe. Đi ép mía là phải đợi tới lượt họ bốc mía lên, đợi thêm mấy ngày nữa để lấy đường, mấy ngày tự do ngao du ngoài tầm kiểm soát của cô Tư và chị Hoài, hỏi không thích sao được? Đi ép mía với má càng thích hơn vì không phải làm gì, nấu cơm cũng không, lại còn được “nhảy dù” một món nào đó lâu nay vẫn thèm thèm, ăn bằng no, ăn bằng thừa mới thôi.

Lò đường ngự trên một khoảng đất kênh xáng, những mái lá trải dài, hàng chảo gang lực lưỡng trên bệ xi măng, chiếc ống khói mù mịt khói bã mía và một biển lu hũ bằng đất nung la liệt. Mùi xác mía đập bị thấm mưa ung ủng quện với mùi đường trong chảo ngày ngày, người ta nói dân thợ lò mập ra mà không cần ăn cơm là do da thở bằng hơi đường.

Nội tôi không chủ trương làm rẫy nhưng ông vẫn dành một góc vườn trồng mía lấy đường đủ ăn cho cả năm. Trừ hạt lúa, lúa liên quan đến nghề ruộng, mà ruộng thì có nắng có mưa, muỗi đĩa, thứ gì tự túc được, ông tự túc khép kín hết. Và đi ép mía là việc nặng nhọc nhưng đơn

giản, nó thuộc phận sự của má tôi trong khi cô Ràng có thể ở nhà chỉ huy người làm mướn hay bốn ba buôn bán đường dài mạn nào đó.

Mùa thu hoạch thường đi với mùa khô, ban đêm có thể trải chiếu trong lòng ghe, dựng bốn cây cột chèo lên giăng mùng ngủ. Tôi thích nằm trần hơn, nằm trần có thể đếm sao, ư ử hát để mình mình với gió nghe - kênh xáng Xà No thuộc quyền kiểm soát của đối phương, những bài hát thầy Tiên dạy không hát công khai ở đây được. Nằm chán thì lại lên bờ xem hai cái ru- lô máy ép nướ cả rể, cả đất của cây mía rồi cho ra thứ nước đen đen, ngan ngát. Rồi lại chỗ hàng chảo xem người ta hót bột đường bằng những cái vớt khổng lồ. Chán chê lại xuống ghe vớt lục bình lên chơi đồ hàng một mình.

Chuyến đó, đêm đầu tiên má tôi đặt trước mặt tôi một nồi trứng vịt lộn luộc. Món này nằm mơ ở nhà tôi cũng không có, nói gì đến một nồi cả chục trứng mà chỉ có hai mẹ con. Không được ăn thường nên nó không thể là món ngon, món khoái khẩu được. Thông thường người ta chỉ say mê thật lòng cái món ăn có máu thịt của kỷ niệm, còn thì các món lạ đều như cưỡi ngựa xem hoa hết. Má tôi cũng không thích đến mức phải mua chùng ấy trứng để ăn nhưng tính bà vốn vậy, bà thấy con nằm ghe ngủ sương gian khổ, bà muốn bù đắp bằng thứ tình mẫu tử không bị kiểm soát. Trứng mua ở những lò ấp là trứng mới nhưng vì má tôi là khách vãng lai nên họ đã bán cho loại trứng nhiều mẽ, những cái mẽ cứng sảng còn con lộn thì đã có mỡ dài.

Đêm sau nữa, giữa khuya, má dựng tôi dậy và đặt trước mặt tôi nồi chè đậu xanh với trứng lạc. Má bảo má chỉ nấu đậu sắn, rồi bung nồi lên lò mức đường trong chảo ra, đập trứng vào, đường sôi cỡ đó, đá còn chín hưởng gì trứng! Bà bắt tôi phải ăn tận lực, ăn hết cỡ vì sớm nay đường sẽ vô hũ, hai má con có thể nhổ sào rồi. Phải ăn cho sạch để xóa dấu vết, không được khai đã ăn món gì món gì với chị Hoài, chị Hai sẽ phản ứng trước tiên rồi sau thế nào cũng thấu tai cô Ràng và bà nội.

Tôi nhớ những trận cãi vã lúc đầu chỉ có bà nội và cô Tư vào những lúc bất ngờ. Đề tài thường là chuyện bà tôi đang ăn chung với ông nội bỗng dựng no ngang rồi đếm đếm vanh vanh mấy miếng trên đĩa ý chùng để cho Kiến Riện vào một lúc thuận tiện. Những miếng ở mâm trên cho ông bà nội bao giờ cũng là miếng ngon không có sắn mà phải từ sự chăm chút công phu của cô Ràng hoặc chị Hoài mới có được. Những miếng ngon ấy là lòng hiếu thảo, tài thu vén, là tôn ti trật tự mà đã vậy thì người trên phải nhận đủ cho con cháu vui, cũng có nghĩa là hàng con cháu sẽ không được bén mảng, tư túi hay tự tiện làm xộc xệch cái tôn ti ấy. Thế mà bà nội vẫn phá lệ và Út Riện vẫn được ăn. Lúc đầu thì Út Riện bị đem ra mắng: “Ai cho phép ăn? Ăn nhiều ỉa lớn đống cá vồ thương chớ ai thương?” Cô Ràng nói tới nước đó là cô sẽ nổ bùng nếu như bà nội lên tiếng biện minh cho mình. Bà nội không nói mà khóc lầy: “ Tao có chút cháu để cưng, bây cũng cấm cản đủ thứ!” Một bài hùng biện xỏ ra tràng giang về gia phong và nỗi khó nhọc khi để dành được cái gì đó gọi là trong cảnh neo đơn mà không có ruộng. Rồi má tôi nhảy vào: “Nó con nít con nôi, ai nhét gì nó ăn nấy, sao ư làm lớn chuyện quá vậy?” Thế là cô Tư khóc vì má tôi không chịu hiểu cái lý gia đạo mà cô cất công hình thành, ven giữ. Để làm gì, “Tui thì tui cần gì, bất quá tui ra thành tui ở với con gái cho có mẹ có con. Nhưng tui cần bày con của anh Ba tui lớn lên biết kính trên nhường dưới, biết ngó trước ngó sau, biết chân chỉ thật thà. Hỡi vậy tui là đứa có công hay kẻ kiếm chuyện, hả?” “Phải mà - giờ má tôi cũng run run sứt sứt rồi - Tui là kẻ ngồi không, tui bới móc còn người ta thì vô tư, giỏi giang, tài cán!” Rồi chị Hoài tấm tức theo: “Má ơi, con lay má! Tui con may mà còn có nội với Tư không thì thành dân đi làm mướn hết rồi má!” Đến lúc này thì ông nội tôi ho dữ, vừa ho vừa động cây gậy có cù ngoéo xuống nền đất cùm cụp để kết thúc cuộc đấu lý của những người đàn bà.

Đêm đó, tôi cảm thấy mình không còn trẻ con trước nồi chè trứng của má. Tôi thông thả ăn, vừa ăn vừa nghĩ ngợi, tôi thấy ăn như vậy, xài như vậy là quá đà dù cái lý của má tôi vẫn là cái lý thương con.

Thấy con bần thần, má tôi giải thích:

- Tiền bà nội phát cho chuyến này thì phải xài cho hết. Để dành cũng đâu có được mà trả lại thì người ta cũng xài!

Tôi nói lí nhí:

- Cô Tư có xài riêng gì đâu!

- Tụi bây, mầy với con Hoài thì cái giọng đó không. Phải mà, tụi bây là ngừ mượn bụng tao để chui ra còn thờ thì bây thờ người khác!

Tôi không tán thành lý lẽ của má, tôi không đồng tình với cuộc chiến tranh đồ ky, âm thầm, dai dẳng của má nhưng tôi thương má như con đẻ với cái hang của nó, với mặt đất của nó, cái mặt đất mà thiếu ánh sáng và bầu trời nhà nội thì đã không có con đẻ ấy. Tình thương với má và với cô là hai ngôi song song đau khổ trong lòng tôi, dần xé, tranh cãi nhưng không thể không tồn tại được.

Thấy tôi nín thinh, má tôi nói thêm:

- Má ráng để dành đừng sắm cho chị Bảy mầy với mầy mỗi đứa một đôi bông tai.

- Dái tai có lỗ đâu mà má dành tiền?

Một trong những đặc điểm trong giáo trình của cô Ràng được dân Vĩnh tò mò là sáu chị em chúng tôi - trừ chị Tư Khanh tập kết, trừ chị Sáu bị đậu mùa chết từ nhỏ nhưng phải cộng vào em Minh con gái cô tôi - phải, tất cả sáu đứa dưới quyền cô đều không được xâu lỗ tai trước khi có chồng. Nhà con gái đông, có lỗ tai là phải có bông vòng, vàng rồi mốt, rồi chung diện chứ không chân chất chăm chỉ nữa. Tôi mơ một đôi bông tai bằng với mơ thầy Tiền ở mãi trong nhà mình, bên cạnh mình, đã có lúc tôi kẹp một vòng kẽm lớn tướng lủng lẳng giữa dái tai rồi chồm qua miệng lu nước ngấm nghía cái mặt của mình. Thế nhưng, mỗi khi nghe cô Tư giảng giải về cái lý thất lưng buộc bụng đó tôi lại thấy mình lớn lên, trưởng thành, nhẹ nhàng như tôi vừa trút bỏ được gánh nặng trần trụi.

- Vậy sao má có bông tai mà không giữ lấy để đeo? - tôi hỏi khó.

Má tôi dầm dẫm mấy miếng trứng trong chén chè, nhìn xuống kiểu nhìn quen thuộc và cái giọng tạt ngang cũng quen thuộc:

- Tao già rồi, tao cần gì bông vòng! Chẳng qua tao muốn có tiền để sắm bông cho tụi bây!

Tôi nhớ cái hôm tình cờ biết má tôi đã cầm đôi bông cưới đổi lấy một đôi heo con đem về nuôi để làm vốn riêng, bà nội, cô Ràng và chị Hoài đã khóc một trận toí bời. Đôi bông cưới, đôi bông hình đài hoa mù u ấy là kỷ vật của nhà nội, là hơi hướng của ba tôi, nó còn trên tai má tôi là cuộc hôn nhân còn thiêng liêng, sự hiện diện của ba tôi còn thiêng liêng, các con má có thể nhìn vào đó mà nhớ đến và tin tưởng... Lần đó ông tôi không ho, không động gậy mà ngồi bệt xuống ngạch cửa, nhìn tuyệt vọng ra mặt sông cái. Cô tôi đã sai chị Hoài đi chuộc đôi bông về,

hình như má tôi không biết chuyện đó, dĩ nhiên bà nội đã gói cất chứ má không được đeo nó nữa.

Giờ thì cái mo mít cũng phải thừa như nồi chè trứng hôm nọ. Tôi đứng lên, không thấy bố béo đâu mà chỉ thấy nặng nề. Má tôi bắt chị Bảy Nghĩa và tôi bước hẳn xuống mé mương rửa sạch tay chân mồm miệng kéo bị phát hiện thì nguy. Đích thân bà kẹp xốc Út Riện lên đi rửa ráy cho nó, hít hít ngửi ngửi kiểm tra rồi mới thả cho nó đi vô nhà.

Trời xế

Trong qui định nghiêm ngặt của cô Ràng, nghĩa vụ lao động của tôi thật sự bắt đầu từ giác chiều, khi trời dịu đi một chút. Mỗi đứa một việc mạnh ai nấy làm không phải hỏi đi hỏi lại và có đôn đốc, kiểm tra hẳn hoi.

“Đồ nghề” đi vườn của tôi là hai chiếc vợt như một cái túi lọc cà phê, cán vợt bằng trúc, một cái dài và một cái ngắn để bắt bọ xít. Bọ xít thường cặp đôi, khi ở tuổi vợ chồng, chúng có màu xanh lá tiếp với lá và trái quýt vì vậy mà người lớn khó bề phát hiện ra. Tôi lanh mắt, tôi hay láo liên sục sạo nên tôi được độc quyền sinh sát chúng. Nhân lúc đôi bọ xít mê làm trò sinh con đẻ cái bên trái quýt, tôi nhẹ nhàng áp vợt vào, a lè, cả hai rơi xuống và mắc nganh vào vải màn, coi như đời chúng kết thúc. Khác với bố mẹ, lũ bọ xít con lại có màu đỏ, vào độ vị thành niên thì chúng trở nên vàng, gặp lúc đó, tôi hạ sát cả bầy thật sừng cả tay. Để tôi khỏi trốn việc, cô Ràng bắt phải đựng xác bọ xít trong một cái lon ngày nào báo cáo ngày nấy thưởng bằng lời thôi nhưng bao giờ tôi cũng cố gắng, tôi vốn không thích bị chê vì tôi muốn được cô Tư vui, niềm vui của thủ lĩnh là nổi sung sừng của người lính, thế thôi.

Bắt bọ xít lâu sẽ chói mắt, tôi được giao thêm việc kiểm tra các mẻ mồi ăn của kiến vàng. Kiến mà cũng phải cho ăn thì chỉ có ông nội tôi mới nghĩ ra. Kiến vàng không tự dựng mà có, năm nào cánh đàn bà con nít nhà tôi cũng làm thành một cái đoàn đi xin kiến ở những mảnh vườn tạp trong xóm - riêng vườn bà Hai Miều thì chị Hoài tôi nài cô Tư đừng có động vào! Kiến vàng đặc biệt thích loại cây lá to như mù u, chúng dùng nước miếng chap đứng những chiếc lá lại thành những cái ổ phùng phùng to cỡ chiếc nón lá. Có kiến vàng thì kiến đen mới chịu lui, ông nội nói nước đái của chúng làm cho cam và quýt ngọt bóng lên. Ông nội còn nói, coi vậy chứ kiến vàng yếu hơn kiến đen mặc dù chúng to con hơn, rồi ông gãi ra, kiến vàng dễ bị thua vì nó đường đường chính chính, nó không lằng xằng lắt léo tiểu nhân nên nó mới thua. Những trận bắt kiến của những người đàn bà nhà tôi thật chết cười, nhất là má tôi, khi bị kiến chống trả thì bà vừa xùy xùy bỏ chạy vừa dùng khăn đập lia lịa lên mình. Nhưng chúng đã chui vào cổ vào nách, chúng luồn từ ống quần lên, chúng cắm vào chân tóc và quyết tử với người phá đám chúng. Một cây kéo lớn tướng có sào đưa lên và một mối dây giạt, thế là sập, ổ kiến rơi xuống, bọn trẻ chúng tôi nhanh tay lượm chúng bỏ vô cần xé rồi đứng cạnh đó đập đập vành nan để chúng đừng bò tản đi. Ít khi cả nhà cắt đầy một cần xé kiến như đã định, thế là từ vườn nhà người ta, vừa gánh vừa đập đòn gánh cho kiến yên chỗ, chúng tôi chạy về vườn, mệt lử và vui, những trận vui kỳ lạ, hiếm có trong nhà. Phần chẵn kiến sau đó thuộc về tôi: đem cho kiến là những con cá chết hay những bộ lông gà vịt để trong miếng dứa gác lên chạc cây rồi còn thả dây chuối từ cây này sang cây khác, từ liếp này sang liếp khác cho chúng qua lại dễ dàng. Muốn đất của kiến vàng phong quang, tôi phải cắt lá chuối khô quấn thành nui nhét vào những nơi có kiến hôi để chúng làm tổ rồi đem đốt đi. Nhớ là phải làm việc đó hàng tuần cùng lúc với việc gom những cành nhánh quýt lão quýt cỗi mà người lớn cắt bỏ để đem ra đầu liếp chất đồng đốt

luôn một thể.

Dù đã nhiều việc nhưng ngày nào tôi cũng phải kiêm thêm chân sai vặt. Nếu bà tôi ngẫu hứng ra vườn thì tôi phải chạy đi gom mo cau hay đi gom chót lá dừa. Bà tôi say mê cắt mo cau thành rế thành quạt ngang với niềm say mê bó đuốc gát lên chái nhà, cái kho đuốc của bà đốt cả ngàn năm vẫn chưa hết. Rồi bà lúi húi lượm quýt rụng cấp nấp đem vô để cho trẻ con hàng xóm ăn nheo mắt chơi, những việc của bà tưởng như lắm cẩm nhưng có cái khăn sọc trắng đỏ thấp thoáng trong vườn thì ai cũng thấy vui vì hôm đó bà ráo rảnh hơn lệ thường nhiều. Phải nói rằng từ hồi chi khu Vị Thanh hay cho pháo 105 nói chuyện với đối phương thì xóm Vĩnh nhà chúng tôi thành đường đi của pháo. Lại thêm những chiếc đầm già - L.19 - tí tí và phản lực và trực thăng kéo xuống miệt dưới bỏ bom và thả quân khiến cho bà tôi ít khi rời khỏi cái trảng xê trong nhà. Bà không thêm phân biệt tiếng pháo vút qua xa hay gần cũng như không chịu phân biệt đâu là máy bay chuyển quân đâu là máy bay oanh kích, với bà tất cả là chết chóc, là ác liệt hết. Thế nhưng bà không thể không rào vườn, bà thích tường tận sự quán xuyến của cô Ràng, thích bắt bẻ tại trận những chỗ sơ suất của con dâu và bày cháu để la mắng, nói chung bà thích ngắm nghía và tham gia chính quyền. Nhưng bà không dám ở ngoài vườn lâu nên bà bắt tôi cung cấp ngay những tấm mo cau và giúp bà làm những việc của sở thích để còn vào bên chiếc trảng xê của mình. Có khi trong chiếc mo cau là mấy trái ớt chỉ thiên, một nắm bồ ngót và nếu quýt rụng quá nhiều thì bà lặn thêm vào cái lưng quần vốn là lưng vận chứ không phải lưng rút.

Cũng có khi người ra vườn là ông tôi, sốt sắng hơn cả với bà, lúc đó tôi phải chạy tới đỡ lấy ông và có nhiệm vụ không rời mắt khỏi ông nữa. Bà tôi hơn ông sáu tuổi, cái thời gái lớn hơn trai là nhất, nhưng bà chỉ còng còng chứ không lê bước khó nhọc như ông. Ông đi như đi nổi gót, cái dáng như một dấu hỏi trên mặt đất, thỉnh thoảng lại ngồi gục xuống tựa trán vào gậy thở và ho. Ông không có sức để đi rào vườn, ông chỉ ra khỏi nhà một đôi để lắng nghe, ông có cách lắng nghe tình trạng vườn tược bằng giác quan của người nghe được những gì do mình sinh ra và chặn dặt. Ông không sang vườn cam quýt, cũng không chú trọng đến vườn dừa, ông hay bảo tôi dìu sang đám sa-pô-chê có từ thời chị Hoài tôi mới được sinh ra. Ông bảo tôi chạy đi lấy đồ nghề, đó là một con dao nhọn sắc, chỉ có ông mới biết lỗ sâu nó nấp ở chỗ nào trong lõi cây và cũng chỉ có ông mới lách dao ngoằn ngoèo vào thân cây để lõi chúng ra. Từ khi có thầy Tiền, ông còn thử mày mò tháp da cây mằng cầu vào thân bình bát, mỗi khi thấy cái nhánh mằng cầu xanh dần lên bên hông cái cây ấy, bao giờ cái miệng sắc nét nghiêm nghị của ông cũng mỉm cười. Ông kêu khê: Kỳ diệu thiệt, thiệt là kỳ diệu quá chừng! Tôi không biết ông nói cái mảnh da mằng cầu kỳ diệu trên thân cây bình bát hay là thầy Tiền kỳ diệu, chắc là cả hai.

Nhiều lúc tôi cứ hình dung và tự hỏi, thời trai trẻ ông tôi là người như thế nào. Ông có cái trán vuông, đôi mắt sâu, đôi gò má nhọn, cái sống mũi có gờ và đôi môi sắc sảo, kín kẽ. Xem ra ba tôi và các cô có gương mặt chữ điền và đôi gò má rộng mềm mại của bà nội nhiều hơn. Tôi không tưởng tượng nổi ông có thời trẻ vì khi tôi lớn lên thì ông đã già, già một cách xa vời và oai vệ, cái khoảng cách ấy là cố định, thiêng liêng và mãi mãi. Nhưng chắc là ông cũng từng trẻ, từng xốc nổi và gan trời mới dám kéo vợ con và một bầy em trai vượt sông Tiền, vượt qua cả sông Hậu rồi đi hết kênh xáng Xà No để cắm vườn vào một nơi chưa hề biết nghề vườn là gì.

Có rất nhiều giai thoại về ông tôi, một thứ gia phả bất thành văn nhưng từ trí nhớ của cô Ràng, bao giờ nó cũng có một màu sắc gì đó mỗi khi được kể lại.

Chuyện thứ nhất, khi ông mua sở đất tràm này và tuyên bố sẽ sống bằng nghề vườn, dân ở đây nhìn ông bằng nửa con mắt. Mặc, ông lên khuôn chia liếp, bao ngan trồng toàn sao. “Bô chùa sao trồng sao ông Ba Quýt ơi?” - người ta cứ réo ông là Ba Quýt để trêu ông chơi. Ông trả lời thực bụng: “Làm vườn mà trồng cây ăn trái dọc bờ ranh khác nào rủ ăn trộm vô đi, vườn tui

hiều trái lắm. Trồng sao mới lạ, vài chục năm nữa, con cháu ra riêng cho mỗi đứa vài ba cây đóng ghe cất nhà, còn hơn cho vàng ấy chứ!”

Với mấy hàng sao cô Tư còn giải thích thêm: ông trồng chúng là vì ông nhớ Cao Lãnh, trên đó nhà nào cũng trồng sao, xứ năm nào cũng lụt lội thì sao mới trụ được, mới có cái mà làm chân đi chân đứng được.

Mùa mưa già, ông đắp đập giữ nước lại và chặn từng vuông liếp nhỏ để các khu nước riêng ra, tắm giặt rửa ráy hết khu này rồi mới sang khu khác. Ông lúc lắc ngón tay của tư lệnh, phán: “Miệt trên người ta xả kinh nhiều, thế nào rồi cũng có lúc ở đây nước ngọt. Nhìn lục bình qua một mùa khô thấy chúng bứt chấy quéo là biết nước lợ nhiều rồi”. Khi bà tôi hiến xưởng dệt cho Tuần lễ vàng để thoát ly luôn, đất nhà không trồng dâu mà trồng chuối, trồng dừa chờ cây lưu niên lớn lên. Thấy ông thuê một người đàn ông móc đất doi chờ về phơi để bồi liếp, người ta trở mắt lần nữa: Cái ông này vất chầy ra nước đây! Phù sa nước lợ dù có thơm mật thì cũng phải phơi cho rỏ phèn, trôi mặn mới đưa vào gốc cây được. Khi cây cam cây quýt thành hình thành dáng thì người ta nín thở xem vườn nhà ông Ba có ra hồn vía gì không. Và nó đã đơm trái, ngọt lừ nhờ giống má đem từ Cao Lãnh xuống, nhờ nước ngọt ứ trong vườn, nhờ phù sa đất doi, nhờ đủ thứ. Lúc tôi biết ăn quýt, biết tự đi ra vườn nhón chân hái những chùm quýt ngon nhất để ăn thì dáng cây đã đứng tuổi, đã phải có nhiều nạng tre chống chỏi để trái không làm gãy cành và máy bơm đã thay sức người ngày hai cữ tưới cây vào mùa khô hạn. Ông tôi mãi nguyện như người đã xong nghiệp lớn và người qua đường thấy nhà có một chòm sao nên đặt cho vịnh nhà là Vịnh Cây Sao hoặc là Vịnh Ông Ba Vườn Quýt.

Chuyện thứ hai, ông tôi là người đặc biệt nên ông rất ghét thứ đàn ông loàng xoàng. Ông không trà thuốc đã đành, mà còn rất kén bạn, không mấy người được ông mời vào nhà đàm đạo vườn tược tôm cá, nhân tình thế thái như là thầy Tiên dẫu. Hôm đó có người trong xóm bơi ghe tới hỏi mượn chèo, mua ghe mà chưa sắm chèo khác nào mua trâu không sắm nổi dây vàm, hoặc có ghe mà để mất chèo đến nỗi phải đi mượn thì cũng không ra gì. “Đàn ông mà cây búa, cây cưa, cái kéo làm vườn cũng phải đi mượn thì thà chịu thiên để thành đàn bà cho xong!” Với cái người đi mượn chèo, ông cho họ nguyên một khúc cây, bảo: “Đem về mà đeo chèo, lần sau chứ có mượn chác nữa, nghe không?”

Ông ngắm nghía hàng sao như người đàn bà ngắm nghía những cây vàng trong tủ nhà mình. Ông lẩm nhẩm: “Một cây sao rẻ gì cũng đóng được một chiếc ghe tải, một chiếc ghe bằng mười công ruộng, không là vàng thì là cái gì! Trong một lần leo lên mé nhánh để sao được suông hơn, ông bị hụt tay và té gãy be sườn. Sau đó ông ho ra máu nhiều tháng và thành người đau ốm liên miên.

Liền đó ba tôi bị bắt, ra toà và lĩnh án tù chính trị hai mươi năm khổ sai Côn Đảo, ông cho hạ cây sao đã làm tàn phế ông và xẻ nó thành ván. Ông ra chợ Vị Thanh, không ai ngờ ông chờ về một cái hòm sòm màu gụ, một cỗ hậu sự cho mình. Cái quan tài không hoa văn, phủ tấm vải đen cũ để sẵn trong góc nhà, sự kiện đó làm cho ông nổi tiếng hơn, gia đình tôi gây tò mò nhiều hơn. Ông thường xuyên trối rằng ông sẽ không chờ tới ngày ba tôi mãn hạn tù được.

Thời anh em nhà Ngô lập khu trù mật Vị Thanh, xóm Vịnh tôi ở bên này sông, họ không gom dân được nên bắt xã làm chuyện đó. Gia đình tôi thuộc diện có tù nhân chính trị nên ông bà tôi phải lên sống trong vòng kiểm soát của chính quyền xã. Một căn chòi lá chen với nhiều gia đình Việt Cộng khác, cô tôi phải cắt chị Hoài lên vừa may vá kiếm tiền vừa chăm lo ông bà. Xóm Vịnh tôi thành khu đồn dân của các vịnh phía cuối sông, người ta cất nhà chen chúc kín hết ranh vườn. Chúng tôi thường bị đập cửa vào giác khuya để người bị đồn dân xin một theo đất chôn những đứa trẻ bị dịch bệnh chết. Cô Tư chép miệng: “Vườn mình sắp thành bãi tha

ma rồi. Thôi thì làm ơn làm phúc, có ông nội ở nhà chắc ông cũng gặt đầu thôi”.

Sau đồng khởi 1960, ông bà tôi vớt bỏ căn chòi trên xã, về lại vườn nhà. Nhưng em chồng của cô Cả bỗng dưng bị bên trong bịt mắt đưa đi và thủ tiêu luôn, có nghĩa là bị khử rồi, bị mả tấu làm việc rồi nhưng không biết mả ở đâu. Dương Cả khóc em bao nhiêu thì ông tôi đau lòng bấy nhiêu, ông biết từ nay giữa hai nhà là chiến tuyến. Rồi cơn bão đầu tổ không biết ở đâu tràn vào, người ta bắt cô dương tôi, con cái cô dương tôi quỳ gối trên sân gạch để nghe người ta tố khổ tội ông Chủ Mù nhiều đất. Trước đó, người ta đã cử hai cán bộ đứng tuổi đến ga ông tôi đi dự để làm long trọng viên cho cuộc tố khổ. Lúc đầu ông tôi không hiểu gì cả, sau đó thì ông giận điên, ông đứng như cái cây cọc đậy giữa mùa nước xiết, ông trợn ngược đôi mắt trắng dã lên, đôi gò má ông nhọn lều ra, ông khua gậy tứ tung vào cạnh bàn hét: “Đi, đi khỏi nhà tao! Tụi bây tưởng tao lộn cút lên đầu hả? Chỉ có thứ lộn cút lên đầu thì mới đi tố khổ sui gia mình! Đi, đi cho khuất mắt tao!”

Rồi ông gục xuống khiến cả nhà tôi một phen hú vía. Sau đó ông suy sụp hẳn vì cô dương Cả rút lên Lung Lá luôn - mà không rút cũng không được vì đất đai ruộng vườn bị người ta tịch thu hết. Đám em và cháu chồng của cô Cả chạy ra Vị Thanh, họ không có cách lựa chọn nào khác. Chúng tôi nhìn các anh chị họ của mình bằng đôi mắt ngơ ngác, cô Cả là người chị thâm trầm ý nhị của ba tôi nhưng con của cô sẽ là người bên kia với phía chúng tôi, còn đâu cái đại gia đình mà ông tôi muốn ven giữ bởi lời thề với tổ tiên ở Cao Lãnh, còn đâu?

Ông tôi đã thành phế nhân hoàn toàn ở tuổi bảy mươi. Bà nội hay ngồi hát lại những tích tuồng cũ để ông nghe cho đỡ buồn, có hôm bà bắt tôi đọc truyện Tàu cho cả ông bà cùng nghe. Mệt, mỏi mắt và buồn ngủ, tôi “ăn gian” bằng cách chỉ đọc mỗi chữ cuối hàng để mau hết số chương mà bà qui định nhưng không lần nào bà phát hiện ra cả. Có lẽ ông tôi hay thiếp đi sau mỗi cơn ho còn bà thì hoặc là thuộc lòng những Tiết Nhơn Quý với Mạnh Lệ Quân ấy rồi hoặc bà luôn thả hồn tận đầu đầu.

Cô Ràng hay đến bên giường của ông an ủi dò: “Ba thấy chừng nào mình về Cao Lãnh được ba?” Ông tôi lắc đầu kiệt lực nhưng không khóc, tôi chưa thấy ông khóc bao giờ. Ông từng mơ một chiếc ghe bằng gỗ sao vườn nhà có mũi ván hẵn hời, trên đó là ba tôi, là đứa cháu đích tôn Năm Trường, là tất tất bầu đoàn thể tử, chuyến hành hương có máy đuôi tôm chứ không phải đi chèo và giọng buồm như hồi ra đi nữa. Nhưng ngày đó cứ vờn đuổi với ông, nó nhần nhá trên người mà ông thì không còn sức để với tới nó được nữa. Cô Ràng cũng linh cảm được ngày mảnh vườn này sẽ bị chiến tranh xâu xé, có thể cái khuôn đất dành sẵn cho ông bà nội tôi ở góc vườn cũng sẽ không còn. Biết vậy nên cô đã gồng gánh hết sức bằng sự đảm lược có thể nói là phi thường.

Tôi lớn lên trong sự thu vén kỳ công ấy. Cái nền móng mà ông nội tôi xây đắp quá chắc chắn, cây cứ thế cho trái, nước cứ thế vào ra, việc còn lại chỉ là làm cỏ, dọn dẹp và thu hoạch. Đâu vào đấy đến mức, tới đợt là có một đám phụ nữ đến hỏi xin dầy cỏ mướn và tới mùa nước kiệt, một người đàn ông thâm thấp sồn sồn ở bên kia doi lại bơi tam bản sang hỏi năm nay vườn cần bao nhiêu ghe đất.

Thư giãn

Tôi thích nhất những khoảnh khắc này. Dĩ nhiên những ngày đó phải nhằm mùa xuân, khi nắng chưa làm tội con người và cây cối, nắng chỉ vừa đủ làm cho buổi chiều dài ra và rất nhiều gió. Gió từ phía ven cây bên ngoài tôi thổi sang, thứ gió đi qua một gang đồng đem theo mùi khói rơm và mùi tro rạ của những vật đất đã đốt hoặc đang đốt. Ngọn gió có ánh lửa nhảy nhót ở chân trời, có tiếng trẻ con dậm cù và mùi chuột cháy khét.

Ít khi tôi được chơi chữ gió này mà tước lá dừa thắt chong chóng để đón gió thì sướng không gì bằng. Một ống sậy, hai miếng lá dừa tươi, xọc một cái thể nào cũng có cái chong chóng bốn cánh được giữ bằng một cái que gân lá. Cắm cái que ấy vào đầu sậy, thể là chạy ngược ra đồng, chạy trên bờ mầu của nhà người ta, chạy lên tận đầu ngàn, tưởng có thể cứ thế mà chạy sang bên ngoài luôn. Nhưng cái đầu đã lên tiếng bảo phải quay về, kỷ luật là trên hết, kỷ luật là để có cơm ăn nước uống, có bốn phận và có niềm vui cho những người đàn bà thân yêu lúc nào cũng dư thừa nước mắt.

Cô Ràng thường ra hiệu cho tôi theo ra hậu vườn vào những ngày gió trộn với hoàng hôn. Những buổi chiều khiến già trẻ bé lớn đều phải mềm lòng. Cô đi trước, trên tay thường là một cái dao yếm hay cái rựa, “đi vườn mà không đem dao khác nào đi cấy quên nọc, đi soi cá quên đèn!” - cô hay nói thiếu như vậy. Cô đi nôn nang, cái gót nhỏ xíu ít khi chạm đất vì cái nây bụng làm cho cô phải sàng qua sàng lại mới tiến lên được. Nhưng tôi đổ mà theo được cô! Thật ra tôi cũng đâu có dám vượt lên trước lưng tung xoay mòng như đi với má tôi mà cũng không dám đi tụt xa phía sau để còn hầu chuyện hay nghe cô sai phái. Sau khi đi dọc đi ngang bờ ranh để xem giồng khoai mỡ khoai từ có bình an không, bụi tre có ai chặt phá không, mé bờ có bị trâu bò của người ta vào phá tán không, cô sẽ tìm một đầu liếp và kéo tôi ngồi vào lòng.

- Có đem lược theo không?

Cô xem việc chăm lo đầu tóc tôi là trách nhiệm mỗi ngày nhưng cô hay làm lúc ngẫu hứng, tôi biết đường nào mà gương với lược. Thế là tôi phải chạy ù vào nhà, không quên tẽm thêm cho cô mấy lá trầu hay khuấy cho cô ca nước chanh bằng thứ đường mía đo đỏ - nhà chỉ có ông bà nội là được ăn đường cát. Cô thường đỡ lấy ca nước với vẻ cảm động mãnh liệt, sâu sắc. Theo cô, tôi khác chị Bảy Kiến Đen ở chỗ đó, tôi biết đọc được niềm hy vọng của người khác và tôi biết tiếp tục những nghĩa cử nhỏ nhoi ấy một cách lặng lẽ, ý tứ. Những lần được cô áp đầu và ngực khen, người tôi như có một dòng điện luồn từ tóc tới chân, tôi cảm nhận được sự kỳ diệu của đời sống tinh thần giữa cô và tôi, tôi thấy mình mọc cánh.

Một đôi lược, một cái thưa để chải cho sông tóc, cái kia gọi là lược dày làm bằng sừng phải mua ở chợ Ngan Dừa mới có. Ba đứa nhỏ chúng tôi đứa nào cũng nhiều chấy, tôi tóc dày nên bị nặng hơn. Nhà không tiền mua xà bông, già trẻ bé lớn đều gội bằng nước tro than được lắng kỹ. Để tránh lây chấy từ tôi, khi ngủ hai cô cháu tôi phải nằm trở đầu và cô tự thấy mình phải có bốn phận chăm sóc mái tóc cho tôi, đáp lại phần nào việc tôi “mài lưng” cho cô vào mỗi buổi trưa. Đầu tiên cô trải trước mặt tôi một đợt lá chuối tươi, cô bắt tôi cúi xuống và bắt đầu cào từng nhát lược dày cho đến khi giáp một vòng quanh đầu. Những con chấy đại rơi lạch tạch, lũ chấy lúa chấy mền thì kẹt lại trong kẽ lược, khi chúng bị giết, thấy máu từ bụng chúng thò ra, cô rên rĩ:

- Chết, con ơi! Tư không có thời giờ, chị Hai con cũng đâu có thời giờ, má con thì đầu tắt mặt tối, con không biết tự chải gỡ thì tội nó cắn hết máu, rôm rĩnh hoài con ơi!

Thỉnh thoảng cô còn bôi dầu hoả lên tóc tôi rồi trùm khăn kín lại gọi là un trứng chấy.

- Con cái nhà người ta có chấy như tụi con không Tư? - một lần tôi rón rén hỏi vì tôi cho rằng nhà mình nghèo nên mới có chấy.

Cô tôi tư lự hồi lâu:

- Mình đâu có nghèo, mình chỉ không có dư thôi. Nhưng mà nhà mình giàu danh giàu tiếng, ông nội được nể trọng còn ba con thì lầy lừng. Có đức hồng sức mà ăn lo gì, con!

- Con đâu có lo mà con hỏi để biết chừng nào thì hết chấy.

Cô sỉ yêu vào trán tôi:

- Chừng nào chị biết diện, biết liếc trai thì chị hết chấy liền!

Tôi nhớ lần đầu được cô cho đi Sài Gòn. Lúc đó ba tôi đã bị đưa đi Côn Đảo nên những chuyến đi của cô thuần buôn bán chứ không để thăm nuôi ai nữa. Cô chuẩn bị cho tôi một tâm lý háo hức và chịu đựng:

- Mình phải đi xe đêm cho nó rẻ. Mình chỉ mua một ghế để tiết kiệm, khi nào con mỏi thì ngồi trên đùi Tư. Mình phải bán hàng xong rồi mới đi chơi, mình không có tiền vô chỗ này chỗ kia thì cũng đi vòng vòng cho con biết.

Đáng lẽ cô cháu tôi ngồi tàu đồ của nhà Nguyễn Ngọc mất một ngày đường kênh xáng Xà No thì cũng tới Cần Thơ rồi từ đó chuyển hàng lên ô tô đi Sài Gòn, nhưng gần đây cô tôi bực mình vì người ta dị nghị cô với ông chủ nhà đồ. Cô tôi mà tai tiếng đàn ông đàn bà ư, dư luận độc địa vậy ư, vậy thì cô không bao giờ ngồi tàu đồ ông Nguyễn Ngọc nữa cho thiên hạ cụt hứng chơi!

Chị Hoài phát máy đuôi tôm đưa chiếc tam bản đồ vườn ra thị trấn Vị Thanh. Lần nào ngồi ghe đi trên sông Nước Đục tôi cũng thầm thắc mắc sao ông bà nội dám bồng chổng nhau tới tận cái đất dừa nước với lục bình này, sao ông tôi kiên trì làm chi với nghề vườn ở cái nơi chua phèn này? Hai cô cháu tôi lên xe đồ một cách khoan thai để trái cây được bảo quản tốt. Khác với các chuyến chợ Vị Thanh với má, hay đi chợ Ngan Dừa với chị Hoài chị Niệm, hàng đi Sài Gòn phải là hàng lựa, hàng ngon nhất như cau nguyên buồng, quýt loại một trong những đôi cần xé lớn tướng và vú sữa, sa-pô-chê... Chỉ có cô tôi mới cáng đáng nổi những chuyến đi này, má tôi thì chưa đủ giỏi giang để ngồi chợ Ngan Dừa hay Rạch Giá còn chị Hoài thì thân gái dặm trường, cô tôi thà chịu cực chứ không để chị phải phiêu lưu.

Đường nội tỉnh Vị Thanh - Cần Thơ chưa láng nhựa khiến xe lắc lư dữ, nhiều lúc cô Ràng phải gồng người giữ chặt hai cần xé cho hàng đỡ xóc xáo. Bến xe Cần Thơ ban đêm rả rịch vì những cỗ xe cỡ lớn, hồi hả, bậm trợn. Tiếng rao hàng rong chao chác, ánh đèn dầu của những chiếc chiếu tấm quất lứt phứt trên nền xi măng hôi hám. Chọn xe của hãng Đức Hiệp, cô Ràng giải thích xe hãng này chạy êm, chạy cẩn thận mà ăn tiền ba- ga rẻ. Hình như cô quen hết lơ lái của hãng này, cô hỏi han họ để lấy lòng và cũng cô trêu đùa ngang ngửa với mấy bác tài già khi bị họ chọc ghẹo.

- Nhẹ tay, nhẹ tay, mấy cái cần xé này của bà Tư trầu hết đó, ngheo! - cánh lơ xe cản dạn nhau khi xúm vào lên hàng giúp cô tôi. Vì có hàng nên cô mua vé ghế giữa để dễ dàng dòm chừng chúng. Xe xuống bắc, "Con ăn bắp không?", những trái bắp nóng hổi to cỡ bắp tay trong những cái thúng tràm vải cao su mà người bán phải đội trên đầu cho người mua thò qua cửa

sáo xe chọn lựa. Người bán không sợ bị gian, người mua cũng không vì thế mà lợi dụng.

Con phà hình thiên nga trắng rẽ nước xinh xinh đi vào bóng tối.

- Con, con đứng dậy coi sông Hậu ban đêm kìa con!

Sông Hậu ban đêm giống như một giang đồng giữa nhà nội và nhà ngoại tôi, nó êm ái, rất rào và thăm thẳm. Con sông hiền đến nỗi tưởng có thể chạy bằng băng trên đó bằng đôi chân trần với cây chong chóng bằng lá dừa trên tay. Xe chở tôi đậu gần hàm phà nên tôi luôn thấy mặt nước màu đỏ tím dưới ánh đèn, một chuyến phà mà tôi phải cảm ơn cô đã cho tôi biết thế nào là sự nhỏ bé của con người trước sông Hậu về đêm.

Đường sang Vĩnh Long, xe qua một khu nhà có mùi lá cây héo, cô Ràng lại giải thích cho tôi biết ở đây người ta trồng nhiều gòn để lấy lá đốt làm nhang, cả xóm này người ta sống bằng nghề xe nhang. Cô lấy giỏ trầu ra, trầu đã được tằm sẵn cho tiện, cái mùi trầu đập ra trong miệng cô thơm tươi và khi đã có thuốc xỉa nữa thì nó trở nên ngầy ngầy hết sức thân thuộc, ôi cái mùi trầu của cô tự dưng khiến tôi nhớ cái mùi mồ hôi đầm đầm của má vào những buổi trưa khô nóng. "Sao hồng ngủ mà rượt tu hú với nháy lang ba hoài? Tao hỏi, có giỏi thì làm thay cho tao đi ngủ!" - má tôi thường ca cẩm như vậy không phải vì cả đời bà không được ngả lưng mà vì tôi còm cõi lại không chịu ngủ trưa cho mau lớn. Mùi trầu và mùi mồ hôi, tôi quá ít kỷ niệm với ba nên hai cái mùi tôi đang nghe và nhớ đây chính là mùi vị của sự sinh thành, của hai đấng thiêng liêng mà tôi biết mình sẽ mang theo suốt đời, tôi biết sẽ có lúc mình ghi lại điều này trong nhật ký, trong một bài làm văn, tôi biết rõ như vậy khi ngồi trong lòng cô tôi để lắng nghe mùi trầu máu thịt từ phía sau lưng.

- Để con đứng dậy cho Tư ngủ chút nhen? - tôi nói, sợ cô nặng nên tôi phải ngồi nhóng lên, tư thế đó làm cả hai đều gò bó.

- Ừ, Tư cũng nhắm mắt một lát. Chừng Tư thức, Tư đứng cho con ngủ - giọng cô mệt bã.

Tôi nhớ những chuyến chợ Ngan Dừa lúc chị Niệm chưa lên Khu. Đi Ngan Dừa là đi xuống, đi sâu xuống vùng khô cằn có nhiều người Khơ-me nghèo nên thứ gì trong vườn nhà tôi cũng thành tươi thành quý. Đi Ngan Dừa phải đi chèo - hồi đó nhà chưa sắm máy đuôi tôm, lại phải lựa theo con nước nên thường là đi đêm. Chị Ba Niệm đứng lái, cô Ràng đứng mũi, khi nào cô mệt hay cần nghỉ ăn trầu thì chị tôi chèo một mình. Tôi có nhiệm vụ đánh quai chèo, tát nước ghe, nấu nướng cho cả nhà suốt mấy ngày đường - cô Tư không bao giờ dám vung tiền để cả nhà kéo vào hàng cơm dù chỉ một lần. Đi hết Vĩnh Ngoại, vô vàm Bàn Quỷ rồi rẽ vô rạch Tô Ma, những cái tên nghe thật là rùng rợn ngang với cảnh đom đóm và tiếng bần rưng lạt xạt trong đêm. Trời vừa hừng thì ghe cũng tới chợ Ngan Dừa, lập tức chen lấn vào mé bãi, ù ù chiếm chỗ, trải đệm, dọn hàng, lúc ấy chính cô tôi phải ngồi chờ vì cô có tay buôn bán. Khi hàng đã ngồi ngồi, cô mới giao chỗ lại cho chị Ba Niệm để dắt tôi đi ăn cái món cô cho là ngon số một mà chỉ thấy ở chợ Ngan Dừa, lạ vậy đó. Đó là những sợi bánh tằm bột gạo được xe bằng tay, điểm mấy viên thịt băm tằm trong nước sốt rồi chan ngập nước cốt dừa vào, thêm chút ớt tương nữa, gọi là bánh tằm xiu mai. Cô dắt tôi đến chỗ bà chủ mà cô thuộc mặt chứ không thuộc tên, trông qua đầu tóc sống áo cũng biết đây là người vén khéo, nết na. Cô hớn hờ vì sắp được xem tôi thưởng thức cái món mà cô tâm đắc, cô muốn truyền sang tôi tình yêu với thứ văn hoá được cô chọn lựa. Theo cô, dân Vi Thanh sông sâu nước ngọt còn phải xách dép cho dân nước mặn Ngan Dừa cái món bánh tằm xiu mai này. Con biết vì sao không, vì ở đây có nhiều người Tàu, chỗ nào có người Khơ-me thì có nhiều người Tàu đến làm ăn, người Việt mình biết pha cái món bánh tằm nước cốt dừa với món xiu mai của người Tàu nên nó độc đáo như vậy đó. Cuối cùng cô lại cho tôi thưởng thức món hủ tếu dáo của một ông già Tàu trên chiếc tam bản mui

rèm, cô hào hứng chỉ cho tôi thấy chiếc nón lá Triều Châu ngộ nghĩnh và những vệt mồ hôi muối trên áo của ông ta, cô ca ngợi cái cách làm lụng chí chết của họ và so sánh: “Con thấy chưa, nghề vườn của mình cực khổ quanh năm nhưng so với người này, mình vẫn tốt phước lắm!” Tôi hay được cô đem theo và bày vẽ như vậy, hồi đó là chị Hoài và bây giờ là tôi, càng ngày tôi càng thấy cái quỹ đạo của cô thật có lý và sâu sắc.

- Bắc Mỹ Thuận, phà Mỹ Thuận đây, hành khách xuống xe qua phà, nghèo!

Hai gã lơ xe đập vào xe thùm thùm, cô Ràng tỉnh rụi, nói nhanh:

- Bến bắc này chộn rộn, con ráng bám theo Tư kéo lặc. Xuống, con!

- Tư không biết chữ, Tư nhớ số xe bằng cách nào? - nhân lúc chỉ có hai cô cháu dậm trường, tôi cả gan hỏi.

Cô cốc yêu vào trán tôi:

- Mồ tổ mầy! Hồng biết chữ rồi hết cách sao? Tư mà rù rờ thì sao đi thăm nuôi ba con hết nhà lao này sang nhà lao khác được!

Ở Vị Thanh, chị Hoài đã mua cho tôi đôi guốc gỗ sơn những chùm bông bìm bìm tím trên màu hồng. Đôi guốc làm cho tôi vướng víu khi chạy xuống phà, mà phải chạy thì mới kịp theo cô với mọi người. Hai dây quán lá chen chúc dưới ánh đèn đỏ, những cần xé, những cái thúng hoa quả la liệt cùng trăm thứ bà rần khác. Cô Tư đưa tôi đến một cái sạp tre bỏ không:

- Con ngồi yên đây để Tư đi mua thêm mấy thứ. Trái cây ở đây rẻ, mui xe còn trống, Tư phải xàng xê thêm để kiếm tiền sở phí dọc đường.

Lại một cách buôn bán mà tôi được chứng kiến lần đầu. Tôi từng biết những con cá mèi khi cô đi Rạch Giá về, một nồi cá kho lớn tướng sau khi bán cho cả xóm để thu hồi vốn thì số để lại ăn được hàng tuần mà không mất tiền. Rồi đậu xanh đậu phộng của miền Đông khi cô mang tơ lụa Tân Châu lên đó đổi, có lần cô còn mang từ biên giới về những tán đường như móng ngựa gọi là đường thốt nốt. Tôi ngồi co rúm trên cái sạp, sợ nổi sợ bị mang con bỏ chợ, chưa bao giờ tôi thấy những con chuột lớn và hung hăng như vậy khi chúng vây quanh tôi, trêu ghẹo, hù dọa. Tôi bỏ chạy trở lại xe đồ, nhón nhác. May quá, cô tôi vẫn đang lên hàng.

- Cái bà này, bà mua chèn mua nhét đủ thứ rồi trả bằng bã trầu hả?

- Mấy chú lơ tốt bụng ời, thân tui mà phải buôn quơ bán quào vậy thì mấy chú cũng biết gia cảnh tui thất ngật cỡ nào. Thông cảm cho con cháu tui lên ngồi xe nghen?

Nhưng lơ xe đã đóng sầm hai cánh cửa. Cô Ràng xốc tôi lên nách chạy chân trần, tay kia cầm đôi guốc của tôi hươ hươ vệt đường. Thấy vậy, chiếc xe đồ rề theo mở cửa cho tôi lên. Tôi đứng trong xe nhìn thấy cô lật đật chạy, cái khăn rằn sọc trắng tím cầm tay hót hời, như cô đang đi ngược với một cơn giông hay là đang chạy tán cư, đang chạy giặc vậy.

Đường Sài Gòn - miền Tây thăm thẳm. Trong lúc tôi mơ màng trên đầu gối cô thì cô dựng tôi dậy:

- Cầu Bến Lức, cầu dài nhất đường lục tỉnh nè, con!

Tôi dáo dác nhìn mặt sông Vàm Cỏ giã khuya, không thấy một ghe lục bình nào, chỉ nghe tiếng xe lăn trên ván cầu rầm rầm, vô tận.

Chợ An Đông, theo cô tôi, là khu chợ tiêu hàng nhanh nhất vì nhiều người Tàu. Cô không giao hàng cho vừa mà tìm chỗ ngồi bán lẻ để được nhiều tiền hơn. Cô gọi tôi ngủ trên chiếc ba-gác của ai đó còn cô thì đi xem giá cả chuẩn bị cho sáng mai, cô dặn tôi đừng sợ rồi ngồi xích lô sang Cầu Ông Lãnh, Cầu Muối để đo giá, chỗ nào cô cũng có bạn hàng người Cao Lãnh, với cô, con dân của Cao Lãnh là đủ để thân và đều là người tuyệt vời cả. Một buổi khuya, cô dựng tôi dậy trên chiếc xe ba-gác và dí vào mũi tôi một cái tô gọi là phở:

- Ăn đi con, ăn cho biết phở Sài Gòn nó ra làm sao!

Phải ba ngày chợ vừa bán vừa cầm giá mới hết hàng, cô gọi thùng mủng cần xé cho một nhà vừa rồi bỗng ngồi thừ ra bên cái giỏ mây quần áo của hai cô cháu:

- Mọi lần bán hết đồ thì quay ra cụ bị bao nhiêu thứ để thăm nuôi ba con. Dù Chí Hoà hay Phú Lợi, hay Phú Quốc đi nữa cô cũng đi cho bằng được, cô đâu có quản ngại gì. Nhưng giờ thì...

Cô lúc lắc khóc, ấp hai con mắt trong góc khăn khóc nín khóc nhịn vì không quên đây là giữa Sài Gòn, cô cháu tôi là người nhà của tù nhân chính trị hai mươi năm khổ sai. Rồi cô làm tỉnh lại, kéo tôi vào một nhà tắm công cộng bắt thay ra quần áo mới chị Hoài may cho. Cô bảo sẽ đưa tôi đi tham quan Sài Gòn nhưng mặt cô vẫn rười buồn vì cái khối nước mắt dành cho ba tôi chưa được vắt ra. Sài Gòn có quá nhiều dấu chân cô trên những nẻo đường vừa buôn bán vừa chạy vạy thăm nuôi ông anh suốt mấy năm trời trước khi ông thụ án.

Chỗ chúng tôi tá túc cũng một gia đình gốc Cao Lãnh lên lập nghiệp, một hiệu đồ vest nhỏ có vài ba thợ và một quầy vải bán kèm ở gần Chợ Đũi. Tôi được cô cho ngồi xe ngựa đi lên Tân Sơn Nhất, lên Bà Điểm, về sân vận động rồi Sở thú, đi để nhìn thấy những bức tường cao như thế nào chứ không có tiền vô tham quan. Đêm về, tôi được xếp chung một mùng với chị bếp của nhà họ ở tầng dưới. Đêm thứ hai, cô tôi bỗng phát hiện chị bếp ngủ ngồi ở dưới chân cầu thang chứ không vô mùng. Chị bảo ban đêm tôi lăn lộn gãi đầu nhiều quá, chị nghi tôi có chấy nên không dám ngủ chung. Chuyện bỗng âm ỉ, họ bắt tôi nhúng đầu vào thau nước để xem có chấy rơi ra không. Những con chấy làm cô Ràng tím mặt với chủ nhà, tôi vùng vằng khóc tướng rằng tôi không cần Sài Gòn, tôi có cần đi Sài Gòn đâu. Cô tôi ngồi lặng đi rồi kéo tôi vào lòng, run run:

- Cô cũng đâu có thiết đi Sài Gòn! Lên đây cô nhớ ba con còn hơn ở nhà. Mình về thôi, con!

Một việc gì đó

Sau bữa cơm không bao giờ thoát khỏi cảnh dầu đèn, mọi người trong nhà tôi không thả

lông sinh hoạt vào cá nhân mà thấy đều ở trong trạng thái chờ đợi. Giống như một đội quân lót da bằng lương khô rồi đứng đối chân tại chỗ để nghe ngóng mệnh lệnh. Thường là bà nội tự tay đi bỏ mùng chận tấn cận thân cho ông rồi trở ra bộ ván gỗ để nghe tôi đọc truyện Tàu. Lúc tôi đọc sách phục vụ bà, Út Riện không được đi đâu vì hai chân đã rửa sạch bèn quay ra cào gan bàn chân hay tìm cách cù lét để chọc ghẹo tôi chơi. Thế là tôi kiếm chuyện tru tréo để thoát khỏi những quyển truyện Tàu cũ rích của bà nội mà tôi đã thuộc như và đã “ăn gian” bằng cách cứ đọc xâu những chữ cuối hàng vào nhau.

Cô Ràng tôi thường chọn chiếc võng bằng sợi bố treo cạnh bàn ăn ở nhà dưới, tiếng võng kẽo kẹt đầu hôm nghe thật là hợp với ánh đèn dầu và tiếng rì rào của sông Nước Đục. Cô ít khi nằm im mà nhất thiết phải nói chuyện gì đó với chị Hoài, nhu cầu của hai người bạn vong niên rời nhau một ngày một lát là đã có khối chuyện. Sau bữa cơm, bao giờ chị Hoài cũng rời bàn máy may để dọn dẹp nhà dưới giúp chị Bảy Nghĩ, đúng hơn, để Kiến Đen làm hết thì bà chị cả không yên tâm về sự sạch sẽ. Rồi chị rà chiếc mũi dọc dừa quanh chiếc bàn ăn để xem các cô em có làm sạch mùi mắm muối chưa. Việc lau bàn thường do tôi đảm nhiệm, tôi vốn là đứa “mồm miệng thay tay chân” theo định nghĩa của chị Kiến Đen nên mỗi khi thấy chị Hoài rà rà cái lỗ mũi là tôi nín thở, có hôm còn riu riu đi giặt giẻ lau lại để khỏi bị mắng. Những hôm ấy mà đụng chị Bảy ngoài sàng nước thì chết, chị ngồi rửa chén chùi nồi, chị cực khổ mà còn bị muối làm thối nên chị ầm ục vì tôi sắp được tót lên chỗ bà nội với cuốn truyện Tàu, chị vừa lờm vừa té một chút nước vào người tôi, chị không dám mắng nhiếc thành tiếng mà cũng không dám làm ướt mình mấy tôi chỉ vì chị ngại cái miệng ông ổng của tôi. Thế là tôi khoát lại chị thật nhiều nước rồi chạy tể đi, dù gì chị cũng chưa tắm kia mà. Nhưng sớm muộn gì chị cũng trả đũa tôi mấy cái cốc vào lúc nào đó - khi đó tôi mới tru tréo lên dù biết rõ lý do vì sao chị đánh nguội tôi. Thế là chị bị cô Ràng quát mắng, cô bảo chị là đồ ngu đồ cục cằn mới cốc trên đầu em hoài. Cuộc chiến giữa Kiến Đen và Kiến Vàng cứ thế âm ỉ mãi.

Tôi thường không nhớ rõ sau bữa cơm thì má tôi làm gì, chỉ biết là bà chưa tắm rửa và cũng không bao giờ rảnh để nghỉ lưng như cô Ràng. Hình như nghỉ với bà là không làm việc vườn chứ không có nghĩa là ngơi tay. Bà lục đục gì đó ở chái bếp, hoặc nhóm bếp nấu sắn nồi tắm heo cho sáng mai, hoặc đốt mẻ un xua muối cho bày heo và nói chuyện lảm rảm với chúng. Bà thâm lặng như một cái bóng, thâm tâm bà phục tùng kiểu chịu thua đối với cô Ràng và có ý chờ cô xướng lên một việc gì đó cho buổi tối. Nhà tôi không có những buổi tối thông dong đúng nghĩa.

Tôi thích những buổi tối có trăng để cả nhà đổ ra sân trước chạt củi. Người hô lên việc đó là chị Hoài, chị đặc biệt mẫn cảm với trăng, hình như trăng làm cho chị bặt lòng, trăng khiến chị muốn ra khỏi nhà và ngêu ngao một chút.

*Anh ơi nếu mộng không thành thì sao.
Bao nhiêu ước nguyện bấy lâu thành lời
Dù rằng đường đời ngăn cách tình ta
Phút giây ban đầu mãi không phai nhòa.*

Chị Hoài mà đã hát thì cả tôi cũng buồn rữ vì cái giọng của chị ướt sũng báo hiệu một cuộc đời đa đoan, buồn rữ. Chị cầm lên chiếc dao yếm, chị réo chị Bảy Đen và tôi ra sân, rồi cô tôi cũng ra theo và sau cùng là má tôi, như cả nhà sắp cử hành một vũ điệu. Có tới mấy loại củi ở cái sân sau, dưới tán cây vú sữa cao vút trên nóc nhà ngày nào cũng thả cái thứ lá hai màu xuống và tôi thường phải quét dọn chúng. Với cây ổi và những cây tạp khác thì tôi và chị Bảy cầm cưa, cô Tư đe trước: “Hai đứa mà hục hặc cưa kéo cù nhầy thì đừng có trách, ngheo!” Cô điệu cả Kiến Riện ra: “Biết ăn thì biết làm, ăn nhiều ỉa lớn đồng cá vô thương chó ai thương!” Và Út Riện phải lượm từng khúc củi chồ lười cưa của chúng tôi đem chất thành cái cự hình chữ

nhặt ở cái chái hông chứa hàng lu nước mưa. Cô đứng để giành quyền chỉ huy trong mọi trường hợp, cô rút và phân loại các thứ củi trong cái đồng hồ lớn ra để chị Hoài chặt thành từng đoạn bằng nhau tẩm tấp. Củi dừa cũng phải bằng để có cái cự củi đẹp, vì vậy chị Hoài phải gánh lấy việc đó để má tôi chỉ việc ngồi chế nhỏ củi, một việc hoàn toàn thụ động theo cô Tư là rất hợp với vị thế và năng lực của chị đâu.

Tôi còn thích những đêm trăng mùa khô, khi cô tôi nổi hứng xua cả nhà ra đồng đội rơm về chắt nắm và làm phân. “Nhà mình không có đàn ông, ráng chịu cực đi tụi con! Có cực khổ, chùng ra đời tụi con xông vô chỗ nào cũng thấy nhẹ tênh hết. Ráng đi tụi con!”

Trăng trên giang đồng sau mùa gặt mới đúng là trăng thanh và gió mát. Chúng tôi một đội quân nhấp nhô một người đàn bà sôi nổi, kế đó là một phụ nữ đang xuân, rồi hai đứa nhỏ lóc nhóc, sau cùng là một người đàn bà âm thầm, lẻo đẻo. Trăng dàn ra trên hậu vườn, trăng lai láng trên mặt đồng mà chúng tôi luôn như người lạ, chúng tôi tận hưởng màu xanh rồi màu vàng của lúa nhưng không thuộc về nó, đêm trăng chúng tôi là những vị khách của nó. Một sự im lìm menh mông, không ai động tĩnh ở ngoài đồng vào giấc này nên chúng tôi đi dàn ra, nghênh ngang, tuý hứng. Và mùi của rạ, thứ rạ khô dòn óng ả vì hồi đó người ta chỉ làm lúa mùa. Tôi đặc biệt mê những vật cỏ ở những góc bờ và mê tiếng rạ khua dưới gan bàn chân khi mùi sương đêm xộc lên mũi thơm thơm ngòn ngọt. Hướng chúng tôi nhắm tới là những đồng rơm rải rác trên ruộng nhà người, nếu chúng tôi không khuân đi thì sau đó người ta cũng đốt rụi chúng để cày ải. Cô Tư đứng bó từng bó cho mỗi người tùy theo vóc dạc và bà cũng đội một bó tướng như má tôi hay chị Hoài. Mỗi khi bắt gặp trên đường một mớ lúa sót, bọn trẻ chúng tôi mừng như bắt được vàng, một mớ thôi mà đã bằng một buổi đi mót của chị Bảy và tôi. Lúc đó chúng tôi sẽ vút bó rơm và vồ lấy ngay mớ lúa kéo lát nữa trở ra có thể bị lạc chỗ rồi. Chỉ một đêm cật lực dưới trăng, chúng tôi đã xây được một cây rơm to giữa vườn tre gần khu chòm mả. Mùa mưa tới, chính tôi sẽ được gọi dậy từ sớm để hái nắm, những trụ nắm xinh là xinh bất thần nhô ra từ một khe rơm, thơm thảo, diêu kỳ. Rồi mưa già, dưới chân rơm là giun để cho lũ gà, xa xa chút nữa là vũng rau thơm của má tôi được quây bằng một hàng rào lá dừa thâm thắp. Có năm chúng tôi phải đi rơm mấy đêm liền mới đủ tấp gốc cho mấy liếp quýt, có rơm cỏ sẽ không mọc được, khi thấy đám cháu giật máy nổ lia ống tưới cây và nô đùa trên nền rơm ướt bao giờ ông nội tôi cũng chúm chím cười bên cái cù gậy bất ly thân của ông.

Dù sao đó cũng là những đêm gọn nhẹ của những việc lật vạt gọn nhẹ. Đến mùa cau khô thì công việc nhà tôi không chỉ gói trong một đêm mà còn kéo lê hàng tuần. Đó là những ngày ra Tết, khi nắng còn trong màu mật ong và lối xóm chưa ai bận bịu với ruộng rẫy cả. Đầu tiên phải hái cau đã, thợ leo cau quen thuộc của nhà tôi là một người có tên là chú Lặc nhà ở đâu tận Nước Trong, nghe rằng cha mẹ chú từng làm công cho xưởng dệt nhà tôi lúc ba tôi chưa đi kháng chiến. Chú Lặc không bao giờ mặc áo, ngày cũng như đêm, cái môi thâm thâm cố hữu mà lại hay phun nước miếng phèo phèo. Có lẽ cái nghề leo cau leo dừa mướn chuyên nghiệp khiến chú phải xoa nước miếng vào tay riết rồi thành tật luôn. Những cây cau thường xa nhau, người leo phải dùng cái nài bằng những sợi dây chuối dẻo, miệng ngậm con dao nhỏ để thót từng quãng ngắn lên. Khi leo dừa chú Lặc chỉ leo một cây rồi từ bẹ này chuyển sang bẹ cây khác như một con vượn, cả buổi không thấy tằm dạn chú đâu mà chỉ nghe tiếng dừa rụng thỉnh thoảng từng chục một từng quày một, hết liếp này sang liếp khác.

Sau khi cau buồng chất đống trong góc nhà - cô tôi còn hỏi mua thêm cau trong xóm) là công việc hàng đêm bắt đầu. Sở dĩ bố và phôi cau không làm ban ngày vì làm ban đêm để sáng mai đưa ra phơi liền cau mới “được nắng”. Những đêm ấy thường có mấy bà bạn của cô Ràng đến giúp khiến không khí như nhà có tiệc. Người xắc cau thành từng lát thường là cô Tư hoặc chị Hoài, má tôi chỉ tách vỏ cau còn tôi và chị Bảy Đen thì cúi gằm trên những chiếc xẻ menh mông để xếp cau. Đêm rồi đêm, những nĩa cau chồng cao tới đầu, sáng ra cả sân trước sân sau là một biển cau xẻ, tằm tấp, chĩnh chu. Phải khuân vô khuân ra hàng tuần cau mới khô long cong,

cô bảo chúng tôi cho vào bao bố để đưa lên Sài Gòn bán cho vừa để họ chở ra miền Trung.

Nặng nhọc nhất vẫn là việc thu gom dừa, mỗi tháng một lần mà chỉ có tôi và chị Bảy làm việc đó sau khi chú Lạc hái xong. Tôi thích nhất khu dừa của nhà mình, vào những buổi trưa, trải một chót lá dừa lên bất kỳ cái liếp nào cũng có thể đánh một giấc sâu giữa tiếng lá khua, tiếng chim hót và tiếng cá quẫy dưới mương vườn. Nghe đâu hồi trống chúng, ông tôi phải lấy thước đo để khoảng cách giữa những cây dừa đều nhau, đó là một đội quân đứng chiều nào cũng thấy nó rất thẳng và rất chỉnh tề. Sau khi biểu diễn sự náo hoạt của mình trên những cây dừa, chú Lạc vừa phun nước miếng vừa đi vô nhà, không lần nào ra tay giúp chị em tôi cả. Mỗi tháng có hàng ngàn trái dừa chúng tôi phải đưa vào bờ bến, hết gánh rồi xách tay, cho đến khi thầy Tiền bày cho cách thả trôi chúng xuống mương rồi lùa ra mặt đập thì công việc mới thôi thành khổ sai.

Lại một công việc rộn rịp cần tới mọi người sau khi dừa được gom vào và thương lái đến chịu giá. Những lúc này, ánh đèn măng-sông làm cho ông tôi cũng không ở yên trong mùng được. Ông thích xem lột dừa bằng những cái lưỡi thép mà các ghe buôn bày cho cánh đàn bà nhà tôi. Đầu tiên, phải có người vạt mặt dừa, người đó chính là chị Hoài chứ không phải má tôi, người cầm dao phải nhắm chừng sao cho dao không phạm vào gáo dừa. Cô Ràng đứng bên cái cọc thép cắm sâu dưới đất và quả quyết cắm quả dừa được vạt mặt vào đầu nhọn của cái cọc rồi tách từng lát vỏ một. Lột dừa bằng dao cọc năng suất gấp năm lần lột bằng dao cán như trước đây, vì vậy một buổi làm đêm của chúng tôi thường rất nhiều mồ hôi và náo động. Có lẽ ánh đèn măng-sông đã kéo thầy Tiền tới, khi có thầy thì cô tôi không phải đứng bên lưỡi thép nữa. Và cô vui, vui như chưa bao giờ cô được vui như vậy, niềm vui lan ra khắp mọi người, niềm vui có một người đàn ông không máu thịt mà vô cùng quẩn quýt và gần bó.

Việc cuối cùng không liên quan đến lột dừa nhưng lại liên quan đến má tôi. Đó là việc bà phải nạo những trái dừa mà thương lái chê để vắt lấy nước cốt thắng dầu ăn thay cho mỡ. Dĩ nhiên sẽ có chị Nghĩa giúp má nhưng nạo dừa cũng mỗi lưng không kém gì người đứng lột vỏ bên lưỡi thép. Nhưng nước dừa đâu có được bỏ phí, thế là má tôi phải canh bếp để cô nước dừa lên làm nước màu rồi vô chai, món quà mà bà tôi rất thích nhét cho nhà cô Cả khi có dịp. Đêm đó, với thứ dầu dừa thay mỡ, thế nào mọi người cũng được thù lao bằng món khoai lang chiên ngào đường hay món bánh cam bánh còng gì đó nếu có mặt thầy Tiền.

Vậy đó, những công việc theo trăng và không theo trăng, lúc nào cũng đuổi sau lưng cánh đàn bà con gái chúng tôi như thời gian với những người tù quay quanh cối xay gió vậy. Chúng tôi có cảm giác mình đã cầm đầu cầm cổ rồi mà cái vòng quay ấy vẫn không buông tha không hiểu vì sao. Vì nhà không có đàn ông hay là cái nghề vườn tưởng là nhàn nhưng nó đã cột chặt người ta vào những cái cây, những cái liếp và những chuyến chợ xa gần quanh năm suốt tháng?

Nửa đêm

Hình như có tiếng chim ục kêu ngoài chòm mả. Tôi đã từng trải chót lá dừa giữa hai ngôi mộ của chủ đất để học bài và ngủ quên, tôi từng đi hái nấm vào tỉnh mơ nhưng những việc đó đều diễn ra ban ngày, với ban đêm thì mọi thứ bỗng dưng thẫm thì, ma quái. Những người đàn bà trong nhà tôi chưa ai thấy mặt chim ục, một lần chúng tôi tóm được một con chim trong hốc cây mù u ngoài chòm mả, nó có hai con mắt tròn xoe và buồn rầu của một đứa trẻ mồ côi.

Chúng tôi đồn rằng nó là con cú mèo, nó gần với mèo và cũng gần với con người khi đau thương và ngơ ngác. ục, ục, tiếng kêu như thể là đà từ âm ti lên, rên rỉ, dậm dọa. Hôm nào có tiếng chim cú chỗ mé biển hợp vào nữa thì không khí rùng rợn thật đặc sệt, lúc đó già trẻ bé lớn nhà tôi đều rục rịch thức, thắp đèn lên rồi ngồi lại bên vách mừng bút rút nghe ngóng. Ai cũng cảm thấy sợ, sợ cho sức khoẻ của ông nội vào mai kia, sợ cho ba tôi ngoài Côn Đảo, sợ cho chị Niệm anh Trường ở trong Cú. Cũng có khi sợ mơ hồ cho ngày mai, ngày mai có thể có một trận bom làm rụng hết cây trái trong vườn, sợ một trận pháo bầy từ Vị Thanh sang dọn đường cho lính trên Vịnh Chèo vượt sông càn xuống, lúc đó thì có cả tiểu liên dí trước miệng hầm và tiếng gà tiếng vịt bị lính rượt kêu táo tác. “Nam mô a di đà phật, xin ông thánh ông thần làng xã cho ô bi ô bít nó rơi ngoài đồng ngoài bãi, nam mô a di đà phật!” - bà nội tôi hay lầm rầm trong cái trắng xê dưới bộ ván gỗ. Chúng tôi vin vào câu niệm của bà mà bớt sợ, sau khi pháo ngưng thì lại nhớ ra và cười ngả nghiêng, nội khôn thiệt, nhà mình không có đất ruộng nên nội vái ô buýt nó rớt ngoài đồng đào rồ đất người ta chơi!

Tôi thiếp đi trong tiếng chim ục ục khi nổi khi chìm cắt bóng đêm thành từng mảnh nhỏ. Hình như tiếng mấy con heo ngáy phía sau hè cũng rình rập hơn mọi lần. Rồi tôi nghe thấy tiếng giường vật rung rung, tiếng nấc ú lại quấy đập dưới chân mình. Tôi co chân ngồi bật dậy, cô tôi khóc, cô Ràng lại khóc rồi, mỗi khi cô khóc nửa đêm nửa hôm như vậy thì thể thảm, tức tưởi như đứa trẻ bị oan ức mà không thể khóc to lên được. Cô vẫn nằm ngửa, lăn lộn vật vả trên gối như bị ai chẹn cổ, hai tay bắt đầu đập giường và tiếng khóc xổ ra hù hụ kinh thiên động địa.

- Đứng, đừng có khổ sở như vậy Ràng ơi - ông tôi lên tiếng trước, an ủi mà như thể can ngăn. Và ông lật đặt khoát mừng chun ra bắt đầu gục xuống ho sù sụ.

Ông tôi ít nói, càng ngày càng không chịu nói năng gì nhưng đối với chuyện khóc đêm thất thường của cô út thì ông luôn cất tiếng sớm nhất để chứng tỏ ông thông cảm hết, tường tận hết những nỗi niềm cô. Sau câu vỗ về của ông nội, cô tôi khóc khổ sở hơn, những quãng lặng dài ra, tiếng nấc cộm hơn, gây khúc.

- Sao con Hoài hồng chạy vô với Tư mày coi sao?

Cùng lúc với tiếng hét của bà nội là tiếng chân của chị Hoài từ buồng bên chạy sang, chị ngủ muộn nên không hay cô Tư khóc khan vào giấc này. Bà nội cũng khoát mừng chun ra nhưng không bước xuống, đôi chân bà yếu, nóc trắng-xê với đôi guốc bên dưới lại xa thành thử bà chỉ loay quay tìm giỏ xách trầu. Bà phải thức, bà phải bồi rồi nhưng không hốt hoảng vì bà đã quen với những đêm vật vã như thế này.

- Tư, Tư ơi Tư! Tư ngồi dậy cho đỡ mệt đi Tư!

Chị Hoài và tôi cùng đỡ cô dậy. Cô gạt ra, cô không muốn bị coi như một người bệnh, cô chỉ là người khoẻ mạnh và khí phách đang bị trúng thương. Cô tư ngồi thẳng lên, xếp bằng tròn, tay bẻ bẻ mấy ngón chân, khóc kiểu khóc rỉ rả như sau cơn giông, sau cơn mưa ào thì đến hồi mưa nhí nhách để ráo tạnh.

Chị Hoài bóp bóp cánh tay cho cô:

- Sao Tư, Tư bệnh hay bị làm sao Tư?

Nghiêng người, quay trở, quệt nước mắt, hóp hóp thở thở một hồi cô Ràng mới nói được:

- Tư nằm mơ thấy... thấy ba con!

Chị Hoài bắt đầu khóc theo, kiểu khóc như mưa dầm tằm tả mà không có tiếng động. Chị Bảy Nghĩa cũng chạy sang vắt mùng lên cho chúng tôi rồi ngồi lại góc giường lấy tay chùi nước mắt nước mũi. Tôi cũng thấy nghẹn cổ, tôi thương cô Ràng, tôi khóc xu hướng với chị Hoài chị Nghĩa chứ với ba thì tôi ít hình ảnh quá. Ông nội ho và khạc dữ dội trong tiếng ngoáy trầu gấp rút của bà nội.

Thấy nội bị kinh động vậy, cô Ràng xịu xuống, khẽ nói với đám cháu:

- Tư thấy miệng ba tui con đầy máu. Ba con đứng trên đầu giường này nhìn Tư trần trần không lên tiếng mà như muốn gửi gắm cho Tư đủ thứ!

Khi kể ra được cô đã dịu hơn. Cô xích từ từ ra mép giường, đi chân trần ra gian ngoài, bùng cây đèn trứng vịt ở buồng trong xuống nhà dưới. Chúng tôi cũng nối đuôi nhau ra theo, chị Hoài chạy tới đỡ lấy khi cô đi qua ngạch cửa hai gian nhà. Má tôi cũng đã dậy từ lâu, bà ngồi thu lu trên bộ ván cạnh bàn ăn, bà lặng lẽ kéo ống quần lên chùi nước mắt.

- Chị Ba cũng thức đây rồi - cô Ràng nói nhỏ nhẹ, lễ phép - Em thấy anh Ba, cũng ít khi thấy mà sao hôm nay thấy rõ quá.

Má tôi làm thỉnh, bà không bỏ đi làm việc gì đó, không nói một tiếng phản thùng nào nghĩa là bà cũng đang nhớ ba tôi và đang tủi thân. Nỗi đau và nỗi nhớ đang khiến hai người đàn bà xích lại. Cô Ràng ngồi xuống bên cạnh má tôi, rút chân xếp bằng và lại bệu bệu:

- Em thấy mặt anh Ba máu me không hà...

- Có bề gì thì một thân một mình ngoài đó - má tôi hoạ theo.

- Không phải em nói gở chó anh mà có bề gì thì chỉ còn hai chị em mình người lái người mũi cho tới lúc chết thôi, chị Ba!

- Thì tui cũng biết công xá cô Tư nó lớn lắm - má tôi bất ngờ xướng lên điều mà chúng tôi hằng mong muốn bà hãy ghi nhận và nói ra.

Cô Ràng vỗ vỗ vào lưng chị dâu:

- Mơ dữ thì sự lành, chắc tại con chim ục thôi, chị Ba. Chị em mình, em cực em hay nổi quạu, có gì chị đừng để bụng ghen, chị Ba!

Má tôi lại tiếp tục lau nước mắt bằng ống quần bên kia.

Cô Ràng ngồi lúi vò giữa bộ ván, chị Hoài đã thắp thêm cây đèn ống khói lớn để sáng cửa sáng nhà. Tiếng chim ục cũng đã mất tăm. Biết cô đang cần giỏ trầu, tôi chạy vô buồng mang nó ra. Cô chậm rãi gỡ cái nắp giỏ mây, cô biểu diễn sự trầm ngâm trước con mắt ngưỡng mộ và cảm thương của đám cháu, chừng như có rất nhiều ước vọng, kỷ niệm và những bí mật bị

chôn chặt trong vế trầm ngâm đó. Cô sắp soạn lại giỏ trầu thuốc của mình, đắm chìm, tuyệt vọng. Cô dùng con dao nhỏ bổ một quả cau mới - bà nội thích cau ứt lòng đào, cô thích cau dày lòng trắng, cô nhai một miếng cau trước rồi tằm trầu - nội thích vôi đỏ, cô thích vôi trắng, cô đưa miếng trầu lên sau cùng, nhướn nhướn đôi mắt bùm bụp đỏ vì trận khóc ban nãy. Chúng tôi biết rồi đây sẽ có một cuộc họp nho nhỏ, một màn thảo luận về một vấn đề gì đó, cô sẽ không ngủ lại nữa, vì vậy chúng tôi cũng không thể ngủ thêm, không phải vì cô “đầy đoạ” bọn cháu như má tôi đề quyết mà vì vấn đề cô đặt ra cần mọi người lắng nghe và tỏ thái độ.

- Chị Ba ngồi đây em bàn với chị mấy chuyện - cô lại nói với chị dâu, cái giọng khi đàm thì rất đầm và tha thiết. Giọng cô cao lên với ông bà nội ở nhà trên - Bà má cũng ráng nghe để con xin ý kiến nghe?

Chị Hoài quay ra định ngồi vào máy may nhưng cô Tư ngăn lại:

- May máy rờ rờ nghe chuyện sao được? Làm khuy làm nút gì thôi. Có đồ đạc gì cần vá, đưa ra đây Tư tiếp!

Không thể ngồi không, má tôi bỏ vô chỗ bồ lúa, lấy đệm trải cạnh bộ ván bắt đầu đổ gạo trong bao ra lượm thóc. Chị Bảy và tôi bu lại chỗ bà, ngồi không trước mặt cô là điều cấm kỵ, chúng tôi thuộc lòng điều này từ khi biết phụ bếp cho cô vào những dịp cần tài nấu nướng của cô. Một không khí lúm xúm ngậm ngùi mà cô tôi hằng vun vén và chờ đợi.

Lúc nào bọn con nít cũng có một đồng đồ rách để bà nội phải vá nhíp suốt ngày. Chị Nghĩa thì sáu tháng một lứa đồ, chị đang có hai cái nhúm cau trước ngực khiến tôi thích đụng vào để chị đau chơi. Tôi ròm rĩnh chậm lớn lại hay trèo cây nhảy mương vườn nên đồ không chặt mà lại rách chổng lên nhau nên trong mớ đồ phải vá xem ra quần áo của tôi là nhiều hơn cả.

Ông nội chống gậy đi nhúc nhắc ra bộ bàn ghế giữa ở nhà trên cho gần con cháu hơn. Bà nội hét đứa nào nổi lửa nấu nước châm cho ông bình trà đi. Chị Nghĩa đứng lên, làm chị thì phải chịu khó vậy đó, trong không khí trang trọng chị không dám nguyền tôi cái nào. Tiếng lá dừa mồi lửa lép bép rồi mùi củi mùi khói ngon ngọt sương khuya. Chừng như không khí chờ đợi đã tới đỉnh điểm, cô Ràng đằng hắng, dọn giọng:

- Trước hết là chuyện con gái của con Niệm. Giờ đứa nhỏ chắc cũng sáu tháng rồi, biết ngồi rồi. Hồi con Niệm sanh nhà mình không chiết ai vô Cứ giúp được gì, giờ chỉ còn cách đem đứa nhỏ về nuôi tiếp. Dân kháng chiến chỗ nơi dòi dặc hoài, con bồng con chống làm sao bằng người ta được? Mà U Minh lại nước mặn, mũi mòng, mẹ con cực chết đi thôi!

Nước đã được rót vào bình thủy đưa lên. Bà nội dặn chị Nghĩa lấy hai ngón tay kẹp trà chớ không được nhúm một nhúm vì vậy cô tôi hay gọi đùa thứ trà Ba Hình ấy là trà Kẹp Giũ. Bà nội nói vọng xuống:

- Nhà một bầy bẹp rồi, giờ thêm con bẹp mới biết ngồi nữa, ngộ dữ ha?

Một lời bình chứ không phải một ý kiến. Cô tôi đã nói ra nghĩa là cô đã nghĩ, đã cân nhắc, giờ chỉ làm thủ tục để thông báo một quyết định thôi.

- Cái con Niệm! - chị Hoài cầu nhàu - Chồng thì già hơn chục tuổi, nhà chồng ở đâu tận miền đông không biết tông giống thế nào mà chưa gì đã con ả con mang!

Cô Tư gắt nhẹ:

- Người ta là cán bộ, hôn nhân đời sống mới! Mà có chồng thì phải đẻ con chớ sao!

- Chồng gì già khản cú để! - má tôi chêm vào cụt lủn.

Cô tôi khẽ cười:

- Thấy hình chụp sao chính xác được chị Ba! Hôm đám cưới tui nó em thay mặt chị em đi xuống U Minh, em thấy chồng nó già vậy mới cầm cương được cái con Niệm nhà mình. Người ta là cán bộ mùa thu, cán bộ hồi kết. Mà thằng này coi bộ cũng hiền.

- Hiền thì con Niệm nó lớt - chị Hoài bực bội - Vợ trẻ mà hiền quá nữa gia đình có vững đâu!

- Thôi, nời đó thì vung đó rồi, giờ đưa con của nó về nuôi, ý con sao?

Tôi ghé tai chị Bảy:

- Nhà có em bé, sướng há!

- Mầy bồng em, mầy bắt mảnh để trốn việc, mầy sướng chớ ai sướng?

- Ý má sao má? - chị Hoài hỏi nhóng - Dù gì cũng cháu ngoại đầu tiên của má mà?

Má chúng tôi dàu dàu:

- Có thêm người, ai cũng cực chớ mình tao đâu mà lo!

Cô tôi kết luận:

- Ba má ở nhà trên làm thỉnh thì coi như đồng ý há?

Nghe nói sau khi sinh anh Năm Trường, ông nội tôi nghĩ là sẽ bắt đầu được một loạt cháu trai, nào ngờ lại con Sáu, con Bảy rồi lại con Tám con út. Đến khi tôi, con Tám oa oa bên chái nhà - người để không được ở trong nhà chính, biết là con bẹp nữa, ông tôi bảo lấy nước mắm quẹt nó đi. Cánh đàn bà khúc khích cười bảo không biết ông bắt quẹt ai, mẹ hay là đứa con. Giờ sắp bê về một cháu cố con gái nữa, ông không thềm nói năng gì cũng phải thôi.

Cô Ràng bắt sang chuyện khác:

- Giờ hỏi ý kiến mọi người chuyện con Nghĩa con Tiệp. Tư nghe nói hết khoá này thầy Tiền trở lên tỉnh nhưng sẽ có lớp bổ túc văn hoá tập trung. Mình có cho hai đứa nhỏ đi học thoát ly

không?

Thật là một cái tin choáng ngợp trước mắt tôi. Tôi sẽ xa thầy Tiền nhưng sẽ được bay nhảy, đánh bạn, sẽ biến khỏi sự kềm toả của cô Ràng, sẽ tha hồ chiến tranh với chị Bảy vì chị và tôi phải chung lớp, số chị là phải cột vào tôi, lúc nào cũng có nhau và lúc nào cũng cưa rãng như thế! Tôi nghĩ vậy nhưng không dám vui mừng lộ liễu trước mặt cô Tư. Tuy vậy má tôi cũng nhận thấy, tay vẫn quay cái sàng gạo, bà bày tỏ tức giận và lo âu bằng mắt:

- Xa nhà tưởng sướng, rồi tụi bây biết thân!

Bà nội đã lại ngoáy thêm một cối trầu nữa, nói vọng xuống:

- Đi học vậy rồi có đào hầm đào hố tránh ô bi ô bít máy bay máy bò không?

Chị Hoài thở ra:

- Chắc người ta gom con nít lại thì người ta phải lo chó nội!

Cô Ràng ngấm nghĩa một miếng vá khó, im lặng. Coi như chuyện của hai chị em tôi đã thông qua. Hình như cô sắp chuyển sang vấn đề gì đó hệ trọng hơn, tôi cảm thấy điều đó vì tôi thuộc lòng nét nghĩ nét buồn nét giận của cô, tôi là một bộ phận của con người và tâm tính cô. Quả nhiên giọng cô trầm xuống, dầy dút:

- Tư định đem con Minh về, để ngoài thành lâu sợ mấy cô mấy chú nó gả cho lính quá!

Câu chuyện dường như đã được thu lại thành chuyện tâm tình của cô và chị Hoài.

- Nó học được, phải cho nó học lên để làm thầy làm bà với người ta chứ, Tư!

- Làm thầy bà hay làm vợ lính, làm giặc?

- Nhưng nó đâu chịu được muỗi mòng dầu đèn lom nhom mà đem về đây? Còn bom đạn, lính tráng đi càn, còn gả chồng, Tư gả nó cho ai ở xứ này?

Thật ra em Minh con cô Ràng là thành viên chính thức trong tâm tưởng của chúng tôi. Nhưng em sống với bên nội từ nhỏ, em yếu đuối lựa là, em được bà nội tôi đặc biệt tung tiu vào những dịp hè nên em như một vị khách trong nhà, một con búp bê trong tủ kính vậy.

- Tao bắt về tao gả cho thằng Tiền! - cô Ràng nói khế mà dứt khoát. Đột ngột, nhưng là một sự đột ngột vỡ oà, hết sức bất ngờ ít ra cũng là với tôi. Tôi đã từng có linh cảm này, giờ cô Ràng nói trắng ra thì tôi lại thấy khó tin vì phải so sánh hình ảnh em búp bê Minh với sự mộc mạc dân dã của thầy Tiền. Nhưng chắc Minh sẽ được thầy tôi cưng chiều, tôi hình dung được sự say đắm của thầy với em và tôi thấy ganh tỵ.

Tôi nhướn nhướn đầy ý nghĩa với chị Bảy:

- Thấy chưa! Thầy Tiền thành người nhà mình rồi, thấy chưa?

Má tôi mắng át:

- Cái con này, chuyện người lớn, biết gì!

Cô Ràng không cười dù đó là một quyết định đáng hời lòng hời dạ. Chị Hoài cau có:

- Nhà gì có đàn ông thì kéo nhau đi, con Niệm con Nghĩa con Tiệp cũng đi, đi hết, rể Tư cũng chọn rể đi. Con muốn em Minh nó ở bên nội cho yên thân, nó lấy người chồng công chức bình thường để nó yên ổn.

Cô Tư dẫn mạnh cây kéo trước mặt chị Hoài:

- Mày sao hay giở giọng cửa giữa! Ba mày đi làm cách mạng để danh để tiếng rồi tù rạc. Tui bay là con mà hồng biết thù nhà! Mày muốn ở nhà hết để giặc nó tới rồi nó muốn chém ai giết ai cũng được sao? Còn mày nữa đó!

- Con thì sao? - chị Hoài hỏi độp, run run sắp khóc.

- Mày còn kén chọn tới chừng nào? Ông bà nội già gần đất xa trời rồi muốn thấy con cháu yên nơi yên chỗ, động tới thì mày khóc! Mày nói đợi ba về, ba ở tù mới có sáu năm, còn mười sáu năm nữa, chẳng lẽ mày bắt ông bà nội đợi tới chừng đó?

Nước mắt chị Hoài bắt đầu lăn chã:

- Nhưng mà Tư thấy con làm dâu nhà bà Hai Miều được sao? Nhà họ không như nhà mình, mạnh ai nấy lo, vườn tược như rừng, anh Hai Hiền thì suốt ngày vọng cổ với câu vớt. Người vậy sao làm cháu rể ông nội con được?

- Vậy thì đám khác, cái thằng Đại giáp ranh nè?

Đó là người thanh niên sắp ba mươi tuổi không rượu chè trà thuốc cũng không mặn với bên trong hay bên ngoài, một người quyết chọn cửa giữa như chị Hoài và cũng có ý chờ đợi một tín hiệu từ phía chị Hoài, người hay cho tôi và chị Nghĩa ngồi hóng dưới bóng bồ vào những trưa hai chị em đi mót lúa ngoài đồng. So với anh Hai Hiền, người này khô khan lạnh lẽ hơn nhưng anh vẫn hy vọng chị Hoài sẽ để ý. Vì chị tôi sinh ra là đã khôn ngoan khác thường, lại sát trướng cô Ràng nên tôi tin, người ta dễ phát hiện những phẩm chất làm vợ tuyệt vời ở chị.

Chị Hoài giả nảy:

- Con có lời thề trong bụng là không lấy chồng gần!

Cô Ràng trợn trắng:

- Gia đình mình đơn chiếc, có một chỗ gần vậy mày còn ngún nguẩy là sao Hoài?

Chị Hoài làm thình, chị bậm môi để không khóc thành tiếng nhưng vì vậy mà nước mắt tuôn xối xả. Má tôi dè dặt xen vào:

- Thôi, cô để cháu nó từ từ. Lấy chồng sớm thì khổ sớm, ở vậy cũng đâu có chết ai!

Cô tôi hất tung mớ quần áo vá chung quanh, hai tay khuỳnh khuỳnh trên vế, giận dữ:

- Chị là mẹ mà chị muốn con mình ở vậy đặng chết già, con em này hết ý kiến luôn, chị Ba!

Ông nội đã bắt đầu những cơn ho như hồi nửa đêm. Hình như không khí đang chùng đã lại căng lên. Chị Hoài được nước nhưng hết sức nhỏ giọng để ông bà nội không nghe thấy:

- Con thấy có chồng Tư khổ, má con có chồng má con cũng khổ. Chẳng ai sung sướng thì lấy chồng làm gì?

Cô Ràng vung tay chỉ thẳng vào chị Hoài, người ngợm rung rung kịch liệt vì giận dữ mà phải kềm nén:

- Đây là con gái lớn của ba đây mà ăn nói vậy hả? Tao...tao khổ, má... đây khổ là do chiến... chiến tranh hay là do cái... cái nhà này làm khổ, hả?

Có người đánh đúng vào nỗi đau sâu nhất của mình, má tôi bỏ lửng mớ gạo đang sàng đi lại ngạch cả ngồi ngó mông ra đêm khuya. Bà khóc, sủ mũi vô ống quần rồi lại khóc, giọng lộn cợn nước mắt:

- Tui thấy con nó nói cũng đâu có sai!

Cô Tư cầm lên cây kéo để dần xuống, cầm giỏ trâu lên cũng để dần xuống cốt gây ra những tiếng động bất bình:

- Chị vậy cho nên giọng điệu con gái lớn của chị mới vậy đó!

Chị Hoài không ngăn được cơn sục sùi bèn nói tướng lên:

- Con muốn đứng cửa giữa! Con không muốn một bên nào! Con chán ghét chiến tranh, con căm thù súng ống!

Cô tôi lết nhanh ra mép ván, hai tay chống nạnh phùng phùng nhưng vẫn nhỏ giọng hết mức:

- Đây muốn ông nội tổn thọ vì cái giọng lên án của đây hả Hoài? Nói vậy bao nhiêu năm Tư rèn rập, Tư hy vọng giờ đổ sông đổ biển hết hả Hoài?

Chị Hai tôi ngồi lì ra, cúi gằm trên chiếc áo đang làm khuy dở. Chị không khóc nữa mà ráo tạnh và can đảm vì đã nói ra những lời gan ruột. Cô Ràng ngồi sững vững như xương sống cô bị hoá vôi luôn. Tôi cảm thấy chị Hoài nhận biết cái nhìn uy vũ, cái nhìn đóng đinh trên mặt mũi mình, chị đang trăn người chịu đựng tất cả và sẵn sàng chờ đón cơn thịnh nộ chắc là ghê gớm

lắm. Bỗng dưng cô Ràng vụt chạy, cô chạy lui dúi ra sân rồi chạy dọc theo hàng rào dâm bụt bên đường, chạy đi đâu làm gì không rõ. Đầu tiên má tôi chạy theo, chị Hoài hiểu ra sự thể cũng vụt các thứ chạy theo. Rồi tôi rồi chị Nghĩa, mọi người rượt đuổi nhau trong im lặng, đau khổ, tột cùng. Tuy khoẻ lên một cách khác thường vì cơn giận nhưng cô Ràng không nhanh hơn bọn trẻ chúng tôi được. Chúng tôi đuổi kịp cô ở cuối hàng rào, chỗ con đập giáp với cái nhà mà cô muốn gả chị Hoài sang đó. Tôi và chị Nghĩa cố giữ chặt hai tay cô, bỗng dưng cô ngã lăn ra đất, giãy giụa:

- Tui con để Tư chết! Tư muốn chết chứ không muốn sống nữa, để Tư...

Thầy Tiền nói những người có tài thường hay lớn tật, những nhà độc tài thì hay mắc chứng động kinh. Hình như cô tôi đang bị động kinh. Má tôi chạy tới, vuốt vuốt ngực cho cô, van vãn:

- Tư nó bót giận, bót giận! Tư nó chết thì má con tui sống làm sao!

Chị Hoài cũng đã chạy tới, chị quỳ xuống khổ sở như một kẻ tội đồ, lay lay lay để bà cô trời biển của mình, giọng đứt quãng:

- Tư ơi Tư thương tui con Tư đừng chết, Tư chết tui con cũng chết theo luôn Tư ơi! Con nghe lời Tư mà, con là đứa cháu ngoan của Tư mà. Tư tha lỗi cho con đi Tư!

Cô Ràng dịu xuống, nằm lịm đi trên nền đường dẫm sương khuya. Con sông Nước Đục giác này u tịch hoang vu biết bao so với miệt vườn Cao Lãnh cổ hương đang cách chúng tôi hàng mấy ngày đường. Chúng tôi đơn độc mà phải chống chọi đủ thứ, hàng ngày. Tôi và chị Nghĩa nhìn nhau, chúng tôi cùng được sinh ra trong mảnh vườn này, trong cái nôi này, trong nỗi đau khổ và bất hạnh này, chúng tôi sẽ trưởng thành và sẽ không hục hặc nữa khi phải xa tất cả, sắp rồi, sắp phải xa tất cả rồi. Tôi chợt nhớ đến thầy Tiền và nghĩ, may mà thầy không biết cái mặt trái của nhà tôi vào những đêm mịt mùng thế này, thật là may vì thầy chưa bao giờ được ngủ lại đây một đêm nào cả.

Lại ánh đuốc khuya

Lúc đó, vì quá hoảng sợ, phần sợ cô Tư giận sẽ làm liều, phần sợ ông bà nội biết đang có cuộc rượt đuổi nhau ngoài đường ngoài xá, phần sợ cho thể diện của một gia đình luôn phấn đấu cho thể diện nếu hàng xóm biết những người trong nhà cãi nhau mà còn có ý định tự tử, phải, chúng tôi quá sợ nên quên rằng cô Tư tôi là người bơi lội giỏi, cô có thể bơi ếch, thả tàu và lặn rất sâu. Cô không thể chết bằng cách nhảy xuống sông được.

Dù sao cũng đã bày ra rõ ràng hơn trước mắt tôi một sự thật: việc ông tôi đi dài xuống cực nam để nối dài miệt vườn là một sứ mệnh; việc ba tôi cất bỏ xưởng dệt và nghề tầm tơ để theo Vệ quốc đoàn cũng là một sự lựa chọn của sứ mệnh; việc cô tôi ở góa để gánh vác bốn phần dang dở của ba tôi với gia đình cũng là một sứ mệnh; việc má tôi cam chịu yếm thế để luôn luôn làm phó cũng là một sứ mệnh; việc chị Hoài phải có chồng, một cuộc hôn nhân áp đặt cũng là một sứ mệnh. Và chúng tôi, con Nghĩa con Tiệp sẽ ra đi, sẽ lên Cứ, ở bung hay ở rừng để tròn đạo hiếu với ba tôi cũng là một sứ mệnh. Tất cả đều là sứ mệnh vừa cao cả nhọc nhằn, vừa

cay đắng trời buộc. Đó là mặt thuận và mặt trong của tấm huân chương làm người trong cái thời của mình vậy.

Bà nội tôi có biết chuyện cô Tư đòi tự tử nhưng đã khéo làm tinh để ông tôi không tức giận. Bà tìm cách nói trạng ngay khi năn nỉ được ông trở lại mừng, bà hát ư ử một tích tuồng gì đó cho ông nằm xuống, như dỗ một em nhỏ.

Cô Ràng tự đi lấy đuốc và không nói đi nói lại tiếng nào khi chị Hoài lằng xằng van xin Tư ở nhà, Tư đừng đi đâu nữa Tư ơi! Nhưng cô đã châm ngọn đuốc vào lửa đèn, bình thản bước ra, cô đã bình tâm dù có thể vẫn làm già để chị Hoài khuất phục hẳn.

Má tôi đã bùng đèn ra chái sau, cái thế giới trống trải, chật hẹp của bà nhưng xắt chuối hay xay lúa giờ này đều còn quá sớm. Bà lôi xuống từ trên gát kho mớ tàu dừa đã tước lá nhưng chưa làm sạch gân, đó là vật liệu để bà đưa đi nhờ người ta bó chổi bán lấy tiền bỏ túi riêng, bà vẫn lặng lẽ làm thêm như vậy bất chấp bà nội tôi hay cô Tư ngăn cấm, giận hờn. Những đồng tiền mỏng dính không bao giờ sắm nổi một món gì cả.

Chị Hoài bùng cây đèn ống khói sang chỗ bàn máy may gò lưng đập rờ rờ với cái dáng tần tảo đặc biệt, báo hiệu một số phận đa đoan đặc biệt. Rồi đây ai là người đau khổ nữa, có lẽ là em Minh con của cô Ràng nếu em làm vợ thầy Tiền một khi thầy không chịu yên chỗ với nghề giáo, một chinh phu như má tôi hay sẽ là một goá phụ như cô tôi?

Và chúng tôi nữa, chúng tôi sẽ lớn lên như thế nào, bình an hay chết chóc, hạnh phúc hay lại goá bụa và vò võ như Tư như má, như chị Hoài, như em Minh?

Tôi chui trở vào chiếc mùng của hai cô cháu, tôi thiếp đi, giấc ngủ gấp khúc, bên con sông doi và vịnh gấp khúc, bên những cuộc đời gấp khúc của những người tôi tôn thờ.

Trại sáng tác Đại Lải

Tháng 11/2002

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>